



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 5

Số 41 + 42 (15/5/2010)

MỤC LỤC

Ngày ban hành

Trích yếu nội dung

Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

20-4-2010 - Quyết định số 21/QĐ-UBND-ĐA30 về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2

90. Thủ tục sáp nhập các công ty TNHH 2 thành viên trở lên - mã số hồ sơ: 050752

90.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

90.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

91. Thủ tục hợp nhất các công ty TNHH 2 thành viên trở lên - mã số hồ sơ: 051304

91.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu nộp dự thảo điều lệ của doanh nghiệp và bản sao điều lệ của pháp nhân góp vốn.

Lý do:

+ Dự thảo điều lệ là thỏa thuận dân sự để thành lập doanh nghiệp, chưa phản ánh tình hình thực tế của công ty; khi công ty đi vào hoạt động thì lúc này bản điều lệ mới có giá trị thực tế; vì vậy không cần lưu giữ ở cơ quan đăng ký kinh doanh.

+ Bản sao điều lệ của pháp nhân góp vốn không cần thiết vì đã có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thể hiện thông tin cần quản lý của doanh nghiệp.

b) Không yêu cầu nộp Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

Lý do:

Gộp chung nội dung của Bản kê khai đăng ký thuế vào Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh doanh công ty TNHH 2 thành viên trở lên thành Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty TNHH 2 thành viên trở lên.

c) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

d) Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh: bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng”.

Lý do:

Ngày 23/10/2008, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản này cho phép sử dụng một phần công năng của lòng đường và vỉa hè trên các tuyến đường giao thông bộ thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được hiệu quả, đúng mục đích; bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị. Như vậy, việc ràng buộc doanh nghiệp bằng cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” không còn cần thiết, doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

91.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 15 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh: bỏ dự thảo Điều lệ và bản sao Điều lệ của pháp nhân góp vốn trong thành phần hồ sơ.

- Tại khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Công an hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp: bỏ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế trong thành phần hồ sơ.

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Điều chỉnh nội dung Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế như sau:

+ Theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

+ Bổ sung nội dung của Bản kê khai thông tin đăng ký thuế vào Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh thành Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Mẫu Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

92. Thủ tục chia công ty cổ phần - mã số hồ sơ: 055376

92.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Không yêu cầu nộp dự thảo điều lệ của doanh nghiệp và bản sao điều lệ của pháp nhân góp vốn.

Lý do:

+ Dự thảo điều lệ là thỏa thuận dân sự để thành lập doanh nghiệp, chưa phản ánh tình hình thực tế của công ty; khi công ty đi vào hoạt động thì lúc này bản điều lệ mới có giá trị thực tế; vì vậy không cần lưu giữ ở cơ quan đăng ký kinh doanh.

+ Bản sao điều lệ của pháp nhân góp vốn không cần thiết vì đã có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thể hiện thông tin cần quản lý của doanh nghiệp.

b) Không yêu cầu nộp Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

Lý do:

Gộp chung nội dung của Bản kê khai đăng ký thuế vào Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh doanh công ty cổ phần thành Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần.

c) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

d) Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh: Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng”.

Lý do:

Ngày 23/10/2008, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản này cho phép sử dụng một phần công năng của lòng đường và vỉa hè trên các tuyến đường giao thông bộ thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được hiệu quả, đúng mục đích; bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị. Như vậy, việc ràng buộc doanh nghiệp bằng cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” không còn cần thiết, doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

92.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 15 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh: bỏ dự thảo Điều lệ và bản sao Điều lệ của pháp nhân góp vốn trong thành phần hồ sơ.

- Tại khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA

ngày 29/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Công an hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp: bỏ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế trong thành phần hồ sơ.

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Điều chỉnh nội dung Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế như sau:

+ Theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

+ Bổ sung nội dung của Bản kê khai thông tin đăng ký thuế vào Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh thành Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Mẫu Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

93. Thủ tục tách công ty cổ phần - mã số hồ sơ: 055746

93.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Không yêu cầu nộp dự thảo điều lệ của doanh nghiệp và bản sao điều lệ của pháp nhân góp vốn.

Lý do:

+ Dự thảo điều lệ là thỏa thuận dân sự để thành lập doanh nghiệp, chưa phản ánh tình hình thực tế của công ty; khi công ty đi vào hoạt động thì lúc này bản điều lệ mới có giá trị thực tế; vì vậy không cần lưu giữ ở cơ quan đăng ký kinh doanh.

+ Bản sao điều lệ của pháp nhân góp vốn không cần thiết vì đã có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thể hiện thông tin cần quản lý của doanh nghiệp.

b) Không yêu cầu nộp Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

Lý do:

Gộp chung nội dung của Bản kê khai đăng ký thuế vào Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh doanh công ty cổ phần thành Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần.

c) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

d) Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh: Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng”.

Lý do:

Ngày 23/10/2008, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản này cho phép sử dụng một phần công năng của lòng đường và vỉa hè trên các tuyến đường giao thông bộ thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được hiệu quả, đúng mục đích; bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị. Như vậy, việc ràng buộc doanh nghiệp bằng cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” không còn cần thiết, doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

93.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 15 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh: bỏ dự thảo Điều lệ và bản sao Điều lệ của pháp nhân góp vốn trong thành phần hồ sơ.

- Tại khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Công an dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký

con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp: bỏ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế trong thành phần hồ sơ.

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Điều chỉnh nội dung Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế như sau:

+ Theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

+ Bổ sung nội dung của Bản kê khai thông tin đăng ký thuế vào Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh thành Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Mẫu Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

94. Thủ tục sáp nhập các công ty cổ phần - mã số hồ sơ: 051311

94.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

94.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

95. Thủ tục hợp nhất các công ty cổ phần - mã số hồ sơ: 051313

95.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu nộp dự thảo điều lệ của doanh nghiệp và bản sao điều lệ của pháp nhân góp vốn.

Lý do:

+ Dự thảo điều lệ là thỏa thuận dân sự để thành lập doanh nghiệp, chưa phản ánh tình hình thực tế của công ty; khi công ty đi vào hoạt động thì lúc này bản điều lệ mới có giá trị thực tế; vì vậy không cần lưu giữ ở cơ quan đăng ký kinh doanh.

+ Bản sao điều lệ của pháp nhân góp vốn không cần thiết vì đã có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thể hiện thông tin cần quản lý của doanh nghiệp.

b) Không yêu cầu nộp Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

Lý do:

Gộp chung nội dung của Bản kê khai đăng ký thuế vào Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh doanh công ty cổ phần thành Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần.

c) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

d) Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh: Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng”.

Lý do:

Ngày 23/10/2008, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản này cho phép sử dụng một phần công năng của lòng đường và vỉa hè trên các tuyến đường giao thông bộ thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được hiệu quả, đúng mục đích; bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị. Như vậy, việc ràng buộc doanh nghiệp bằng cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” không còn cần thiết, doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

95.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 15 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh: bỏ dự thảo Điều lệ và bản sao Điều lệ của pháp nhân góp vốn trong thành phần hồ sơ.

- Tại khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Công an hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp: bỏ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế trong thành phần hồ sơ.

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Điều chỉnh nội dung Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế như sau:

+ Theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

+ Bổ sung nội dung của Bản kê khai thông tin đăng ký thuế vào Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh thành Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Mẫu Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

96. Thủ tục Chuyển đổi công ty TNHH một thành viên thành công ty cổ phần - mã số hồ sơ: 055751

96.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu nộp dự thảo điều lệ của doanh nghiệp.

Lý do:

Dự thảo điều lệ là thỏa thuận dân sự để thành lập doanh nghiệp, chưa phản ánh tình hình thực tế của công ty; khi công ty đi vào hoạt động thì lúc này bản điều lệ mới có giá trị thực tế; vì vậy không cần lưu giữ ở cơ quan đăng ký kinh doanh.

b) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

96.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 15 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh: bỏ dự thảo Điều lệ.

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

97. Thủ tục Chuyển đổi công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty TNHH một thành viên - mã số hồ sơ: 055753

97.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu nộp dự thảo điều lệ của doanh nghiệp.

Lý do:

Dự thảo điều lệ là thỏa thuận dân sự để thành lập doanh nghiệp, chưa phản ánh

tình hình thực tế của công ty; khi công ty đi vào hoạt động thì lúc này bản điều lệ mới có giá trị thực tế; vì vậy không cần lưu giữ ở cơ quan đăng ký kinh doanh.

b) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

97.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

98. Thủ tục Chuyển đổi công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần - mã số hồ sơ: 055752

98.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu nộp dự thảo điều lệ của doanh nghiệp.

Lý do:

Dự thảo điều lệ là thỏa thuận dân sự để thành lập doanh nghiệp, chưa phản ánh tình hình thực tế của công ty; khi công ty đi vào hoạt động thì lúc này bản điều lệ mới có giá trị thực tế; vì vậy không cần lưu giữ ở cơ quan đăng ký kinh doanh.

b) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho

một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

98.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

99. Thủ tục Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên - mã số hồ sơ: 055755

99.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu nộp dự thảo điều lệ của doanh nghiệp.

Lý do:

Dự thảo điều lệ là thỏa thuận dân sự để thành lập doanh nghiệp, chưa phản ánh tình hình thực tế của công ty; khi công ty đi vào hoạt động thì lúc này bản điều lệ mới có giá trị thực tế; vì vậy không cần lưu giữ ở cơ quan đăng ký kinh doanh.

b) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

99.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

100. Thủ tục Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH hai thành viên trở lên - mã số hồ sơ: 051316

100.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu nộp dự thảo điều lệ của doanh nghiệp.

Lý do:

Dự thảo điều lệ là thỏa thuận dân sự để thành lập doanh nghiệp, chưa phản ánh tình hình thực tế của công ty; khi công ty đi vào hoạt động thì lúc này bản điều lệ mới có giá trị thực tế; vì vậy không cần lưu giữ ở cơ quan đăng ký kinh doanh.

b) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

100.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 15 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh: bỏ dự thảo Điều lệ.

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

101. Thủ tục Chuyển đổi DNTN thành công ty TNHH hai thành viên trở lên - mã số hồ sơ: 056108

101.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu nộp dự thảo điều lệ của doanh nghiệp.

Lý do:

Dự thảo điều lệ là thỏa thuận dân sự để thành lập doanh nghiệp, chưa phản ánh tình hình thực tế của công ty; khi công ty đi vào hoạt động thì lúc này bản điều lệ mới có giá trị thực tế; vì vậy không cần lưu giữ ở cơ quan đăng ký kinh doanh.

b) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

c) Bỏ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

Lý do:

Căn cứ Công văn số 18140/BTC-TCT ngày 24/12/2009 của Bộ Tài chính v/v cấp mã số thuế của doanh nghiệp tư nhân và mã số thuế thu nhập cá nhân của chủ doanh nghiệp tư nhân thì mã số doanh nghiệp tư nhân là mã số thuế của tổ chức và vẫn được giữ nguyên nếu có thay đổi loại hình doanh nghiệp. Do đó, hồ sơ chuyển đổi loại hình doanh nghiệp không cần Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

101.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM, bỏ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế trong thành phần hồ sơ của thủ tục này.

102. Thủ tục Chuyển đổi DNTN thành công ty TNHH một thành viên - mã số hồ sơ: 056126

102.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu nộp dự thảo điều lệ của doanh nghiệp.

Lý do:

Dự thảo điều lệ là thỏa thuận dân sự để thành lập doanh nghiệp, chưa phản ánh tình hình thực tế của công ty; khi công ty đi vào hoạt động thì lúc này bản điều lệ mới có giá trị thực tế; vì vậy không cần lưu giữ ở cơ quan đăng ký kinh doanh.

b) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

c) Bỏ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

Lý do:

Căn cứ công văn số 18140/BTC-TCT ngày 24/12/2009 của Bộ Tài chính v/v cấp mã số thuế của doanh nghiệp tư nhân và mã số thuế thu nhập cá nhân của chủ doanh nghiệp tư nhân thì mã số doanh nghiệp tư nhân là mã số thuế của tổ chức và vẫn được giữ nguyên nếu có thay đổi loại hình doanh nghiệp. Do đó, hồ sơ chuyển đổi loại hình doanh nghiệp không cần Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

102.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM, bỏ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế trong thành phần hồ sơ của thủ tục này.

103. Thủ tục đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh đối với chi nhánh doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 056190

103.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Không yêu cầu người đứng đầu chi nhánh ký trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đứng đầu chi nhánh. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của người đứng đầu chi nhánh.

b) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

c) Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của chi nhánh (thay đổi ngành nghề) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

Lý do:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, doanh nghiệp đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chi tiết mẫu Thông báo thay đổi ngành nghề cho thuận tiện kê khai, phù hợp với mục tiêu quản lý, không trái với Luật Doanh nghiệp và Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13/01/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

103.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi ỏ sung)

- Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của chi nhánh Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng bằng văn bản quy phạm pháp luật.

104. Thủ tục đăng ký thay đổi người đứng đầu chi nhánh doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 056256

104.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu người đứng đầu chi nhánh ký trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đứng đầu chi nhánh. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của người đứng đầu chi nhánh.

b) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

c) Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của chi nhánh (thay đổi người đứng đầu chi nhánh) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

Lý do:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, doanh nghiệp đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chi tiết mẫu Thông báo thay đổi người đứng đầu chi nhánh cho thuận tiện kê khai, phù hợp với mục tiêu quản lý, không trái với Luật Doanh nghiệp và Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13/01/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

104.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh..

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của chi nhánh Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng bằng văn bản quy phạm pháp luật.

105. Thủ tục đăng ký thay đổi tên chi nhánh doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 056522

105.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu người đứng đầu chi nhánh ký trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

Lý do:

Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006.

b) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

c) Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của chi nhánh (thay đổi tên chi nhánh) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng; bỏ câu cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng”.

Lý do:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, doanh nghiệp đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chi tiết mẫu Thông báo thay đổi tên chi nhánh cho thuận tiện kê khai, phù hợp với mục tiêu quản lý, không trái với Luật Doanh nghiệp và Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13/01/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

Bỏ câu cam kết vì không còn cần thiết, doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

105.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng bằng văn bản quy phạm pháp luật; bỏ câu cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng”.

106. Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở chi nhánh doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 056539

106.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu người đứng đầu chi nhánh ký trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đứng đầu chi nhánh. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của người đứng đầu chi nhánh.

b) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

c) Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp” trong Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của chi nhánh (thay đổi trụ sở).

Lý do:

Các câu cam kết không còn cần thiết, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật.

106.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Bỏ câu cam kết và thực hiện theo đúng mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

107. Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở văn phòng đại diện doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 056566

107.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng”, “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp” trong Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

Lý do:

Câu cam kết không còn cần thiết, doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

107.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Bỏ câu cam kết và thực hiện theo đúng mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

108. Thủ tục đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 056579

108.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện (thay đổi người đứng đầu) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

Lý do:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, doanh nghiệp đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chi tiết mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện cho thuận tiện kê khai, phù hợp với mục tiêu quản lý, không trái với Luật Doanh nghiệp và Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

108.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện (thay đổi người đứng đầu) bằng văn bản quy phạm pháp luật.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

109. Thủ tục đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 056599

109.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu người đứng đầu văn phòng đại diện ký trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Bỏ cam kết “Doanh nghiệp cam kết kế thừa mọi nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp mang tên cũ, thực hiện đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp về việc thực hiện thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung thông báo này” trong Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

Lý do:

Câu cam kết “Doanh nghiệp cam kết kế thừa mọi nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp mang tên cũ, thực hiện đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp về việc thực hiện thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung thông báo này” không còn cần thiết, doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

109.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Bỏ câu cam kết và sử dụng đúng mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

110. Thủ tục đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh đối với chi nhánh doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 056356

110.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Không yêu cầu người đứng đầu chi nhánh ký trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế của doanh nghiệp.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì tương ứng thủ tục này đối với doanh nghiệp nhà nước không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

110.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

111. Thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 037705

111.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng”, “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp” trong Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

Lý do:

Câu cam kết không còn cần thiết, doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

111.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sử dụng đúng mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

112. Thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 037811

112.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng”, “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp” trong Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

Lý do:

Câu cam kết không còn cần thiết, doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

112.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

- Bỏ câu cam kết và sử dụng đúng mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

113. Thủ tục đăng ký thay đổi tên địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 037932

113.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu người đứng đầu chi nhánh ký trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho

một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Bỏ cam kết “Doanh nghiệp cam kết kế thừa mọi nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp mang tên cũ, thực hiện đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp về việc thực hiện thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung thông báo này” trong Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

Lý do:

Câu cam kết “Doanh nghiệp cam kết kế thừa mọi nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp mang tên cũ, thực hiện đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp về việc thực hiện thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung thông báo này” không còn cần thiết, doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

113.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

- Bỏ câu cam kết và sử dụng đúng mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

114. Thủ tục đăng ký thay đổi tên địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp - mã số hồ sơ: 037991

114.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Không yêu cầu đại diện pháp luật ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Bỏ cam kết “Doanh nghiệp cam kết kế thừa mọi nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp mang tên cũ, thực hiện đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp về việc thực hiện thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung thông báo này” trong Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

Lý do:

Câu cam kết không còn cần thiết, doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

114.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Bỏ câu cam kết và sử dụng đúng mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh và cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

115. Thủ tục thành lập doanh nghiệp công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 038450

115.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu nộp Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

Lý do:

Gộp chung nội dung của Bản kê khai đăng ký thuế vào Đơn đăng ký kinh doanh thành Đơn đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp nhà nước.

115.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa mẫu Đơn đăng ký kinh doanh doanh nghiệp nhà nước thành Đơn đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp nhà nước.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Mẫu Đơn đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

116. Thủ tục giải thể doanh nghiệp đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 056468

116.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Đề nghị được thu lệ phí đối với hồ sơ giải thể doanh nghiệp nhà nước là 200.000 đồng.

Lý do:

Việc thẩm định hồ sơ giải thể doanh nghiệp giống như thẩm định hồ sơ thành lập mới và thay đổi đăng ký kinh doanh, trong đó có chi phí về vật chất, thời gian.

116.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị Bộ Tài chính quy định mức thu lệ phí 200.000 đồng đối với hồ sơ giải thể.

117. Thủ tục đăng ký thay đổi tên chi nhánh đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 038507

117.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Nâng mức lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Nâng mức lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

117.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

118. Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở chi nhánh đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 056508

118.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

118.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

119. Thủ tục đăng ký thay đổi ngành, nghề chi nhánh đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 056774

119.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

119.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

120. Thủ tục đăng ký thay đổi người đứng đầu chi nhánh đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 056787

120.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

120.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

121. Thủ tục giải thể chi nhánh đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 056806

121.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Đề nghị được thu lệ phí đối với hồ sơ giải thể chi nhánh là 200.000 đồng.

Lý do:

Việc thẩm định hồ sơ giải thể chi nhánh giống như thẩm định hồ sơ thành lập mới và thay đổi đăng ký kinh doanh trong đó có chi phí về vật chất, thời gian.

121.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị Bộ Tài chính quy định mức thu lệ phí 200.000 đồng đối với hồ sơ giải thể.

122. Thủ tục đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 038576

122.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Nâng mức lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn

phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

122.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

123. Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở văn phòng đại diện đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 056791

123.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

123.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

124. Thủ tục đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 056793

124.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

124.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

125. Thủ tục giải thể văn phòng đại diện đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 056794

125.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Đề nghị được thu lệ phí đối với hồ sơ giải thể văn phòng đại diện là 200.000 đồng.

Lý do:

Việc thẩm định hồ sơ giải thể văn phòng đại diện giống như thẩm định hồ sơ thành lập mới và thay đổi đăng ký kinh doanh trong đó có chi phí về vật chất, thời gian.

125.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị Bộ Tài chính quy định mức thu lệ phí 200.000 đồng đối với hồ sơ giải thể.

126. Thủ tục chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH một thành viên - mã số hồ sơ: 056173

126.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” trong Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh.

Lý do:

Ngày 23/10/2008, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản này cho phép sử dụng một phần công năng của lòng đường và vỉa hè trên các tuyến đường giao thông bộ thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được hiệu quả, đúng mục đích; bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị. Như vậy, việc ràng buộc doanh nghiệp bằng cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” không còn cần thiết, doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

126.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ câu cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng”, sử dụng đúng mẫu Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

127. Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 051318

127.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ không yêu cầu nộp: Bản sao điều lệ (đối với doanh nghiệp có trụ sở chính ở tỉnh khác).

Lý do:

Không cần thiết vì đã có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thể hiện thông tin cần quản lý của doanh nghiệp.

b) Nâng mức lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn

phù hợp vì hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

127.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa điểm b khoản 3 Mục III Thông tư số 04/2005/TT-BKH ngày 17/8/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục thành lập mới, tổ chức lại, đăng ký kinh doanh và giải thể công ty nhà nước.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

128. Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 051319

128.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ không yêu cầu nộp: Bản sao điều lệ (đối với doanh nghiệp có trụ sở chính ở tỉnh khác).

Lý do:

Không cần thiết vì đã có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thể hiện thông tin cần quản lý của doanh nghiệp.

b) Nâng mức lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

128.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa điểm b khoản 3 Mục III Thông tư số 04/2005/TT-BKH ngày 17/8/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục thành lập mới, tổ chức lại, đăng ký kinh doanh và giải thể công ty nhà nước.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

129. Thủ tục đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 051320

129.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ bỏ:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

- Bản sao hợp lệ CMND (hoặc hộ chiếu còn hiệu lực) của người đại diện pháp luật.

Lý do:

Hai loại giấy tờ trên không cần thiết.

b) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

129.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Thực hiện theo đúng Thông tư số 04/2005/TT-BKH ngày 17/8/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục thành lập mới, tổ chức lại, đăng ký kinh doanh và giải thể công ty nhà nước vì tại khoản 4 Mục III Thông tư trên không quy định trong thành phần hồ sơ có các loại giấy này.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

130. Thủ tục đăng ký thay đổi đại diện pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 051321

130.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ bỏ: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Loại giấy tờ trên không cần thiết.

b) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

130.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Thực hiện theo đúng Thông tư số 04/2005/TT-BKH ngày 17/8/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục thành lập mới, tổ chức lại, đăng ký kinh doanh và giải thể công ty nhà nước vì tại khoản 4 Mục III Thông tư trên không quy định trong thành phần hồ sơ có loại giấy này.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

131. Thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 051322

131.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ bỏ:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

- Bản sao hợp lệ CMND (hoặc hộ chiếu còn hiệu lực) của người đại diện pháp luật.

Lý do:

Hai loại giấy tờ trên không cần thiết.

b) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

c) Bỏ điều kiện về vốn.

Lý do:

Doanh nghiệp vẫn được quyền đăng ký tăng vốn mà không cần phải đáp ứng điều kiện này.

131.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Thực hiện theo đúng Thông tư số 04/2005/TT-BKH ngày 17/8/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục thành lập mới, tổ chức lại, đăng ký kinh doanh và giải thể công ty nhà nước vì tại khoản 4 Mục III Thông tư trên không quy định trong thành phần hồ sơ có các loại giấy này.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Sửa đổi bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM, bỏ điều kiện trong thực hiện thủ tục này.

132. Thủ tục đăng ký giảm vốn điều lệ đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 051323

132.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ bỏ:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế;

- Bản sao hợp lệ CMND (hoặc hộ chiếu còn hiệu lực) của người đại diện pháp luật.

Lý do:

Hai loại giấy tờ trên không cần thiết.

b) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

132.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Thực hiện theo đúng Thông tư số 04/2005/TT-BKH ngày 17/8/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục thành lập mới, tổ chức lại, đăng ký kinh doanh và giải thể công ty nhà nước vì tại khoản 4 Mục III Thông tư trên không quy định trong thành phần hồ sơ có các loại giấy này.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

133. Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở chính đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 051392

133.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ bỏ:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế;

- Bản sao hợp lệ CMND (hoặc hộ chiếu còn hiệu lực) của người đại diện pháp luật.

Lý do:

Hai loại giấy tờ trên không cần thiết.

b) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

133.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Thực hiện theo đúng Thông tư số 04/2005/TT-BKH ngày 17/8/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục thành lập mới, tổ chức lại, đăng ký kinh doanh và giải thể công ty nhà nước vì tại khoản 4 Mục III Thông tư trên không quy định trong thành phần hồ sơ có các loại giấy này.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

134. Thủ tục đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh đối với công ty nhà nước - mã số hồ sơ: 043881

134.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ bỏ:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế;

- Bản sao hợp lệ CMND (hoặc hộ chiếu còn hiệu lực) của người đại diện pháp luật.

Lý do:

Hai loại giấy tờ trên không cần thiết.

b) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

134.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Thực hiện theo đúng Thông tư số 04/2005/TT-BKH ngày 17/8/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục thành lập mới, tổ chức lại, đăng ký kinh doanh và giải thể công ty nhà nước vì tại khoản 4 Mục III Thông tư trên không quy định trong thành phần hồ sơ có các loại giấy này.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

135. Thủ tục đăng ký thay đổi tên đối với tổ chức khoa học công nghệ tự trang trải kinh phí - mã số hồ sơ: 038606

135.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu người đại diện pháp luật của tổ chức khoa học công nghệ ký tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế của doanh

ngành nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì là 7 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

135.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa khoản 2 Điều 27 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

136. Thủ tục đăng ký thay đổi ngành đối với tổ chức khoa học công nghệ tự trang trải kinh phí - mã số hồ sơ: 038719

136.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu người đại diện pháp luật của tổ chức khoa học công nghệ ký tên trên Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn

đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì là 7 ngày làm việc) (bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

136.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa khoản 2 Điều 25 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

137. Thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ đối với tổ chức khoa học công nghệ tự trang trải kinh phí - mã số hồ sơ: 056795

137.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu người đại diện pháp luật của tổ chức khoa học công nghệ ký tên trên Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho

một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì là 7 ngày làm việc) (bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

137.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa khoản 2 Điều 26 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

138. Thủ tục đăng ký thay đổi người thủ trưởng đối với tổ chức khoa học công nghệ tự trang trải kinh phí - mã số hồ sơ: 038787

138.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu người đại diện pháp luật của tổ chức khoa học công nghệ ký tên trên Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì là 7 ngày làm việc) (bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

138.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Theo Văn bản số 3831/BKH-PTDN ngày 04/6/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập thì thủ tục đăng ký thay đổi người thủ trưởng đối với tổ chức khoa học công nghệ tự trang trải kinh phí được áp dụng tương tự quy định tại Điều 29 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP. Đề nghị sửa thời hạn cấp phép tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh từ 7 ngày xuống còn 5 ngày.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

139. Thủ tục đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học công nghệ tự trang trải kinh phí - mã số hồ sơ: 051394

139.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Không yêu cầu người đại diện pháp luật của tổ chức khoa học công nghệ ký tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì là 10 ngày làm việc) (bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

c) Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng”; “Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp” tại mẫu Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học và công nghệ.

Lý do:

Vì không cần thiết, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

139.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa thời hạn quy định tại khoản 1, 2 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh từ 10 ngày xuống còn 5 ngày.

- Sử dụng đúng mẫu Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học và công nghệ ban hành tại Văn bản số 3831/BKH-PTDN ngày 04/6/2007 của Bộ kế

hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

140. Thủ tục đăng ký thành lập chi nhánh đối với tổ chức khoa học công nghệ tự trang trải kinh phí - mã số hồ sơ: 058505

140.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ không yêu cầu nộp:

+ Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh.

+ Bản sao điều lệ (đối với doanh nghiệp có trụ sở chính ở tỉnh khác).

Lý do:

- Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh: không cần thiết vì tại Thông báo lập chi nhánh đã nêu rõ thông tin cá nhân về người đứng đầu chi nhánh.

- Bản sao điều lệ (đối với doanh nghiệp có trụ sở chính ở tỉnh khác): không cần thiết vì đã có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thể hiện thông tin cần quản lý của doanh nghiệp.

b) Không yêu cầu người đứng đầu chi nhánh ký trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chi nhánh.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chi nhánh của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

c) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì là 7 ngày làm việc) (bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

d) Nâng mức lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

140.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa Điều 24 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Công an hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

- Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

- Sửa thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh từ 7 ngày xuống còn 5 ngày.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

141. Thủ tục đăng ký thành lập văn phòng đại diện đối với tổ chức khoa học công nghệ tự trang trải kinh phí - mã số hồ sơ: 058506

141.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ không yêu cầu nộp:

+ Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng đại diện.

+ Bản sao điều lệ (đối với doanh nghiệp có trụ sở chính ở tỉnh khác).

Lý do:

- Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng đại diện: không cần thiết vì tại Thông báo lập văn phòng đại diện đã nêu rõ thông tin cá nhân về người đứng đầu văn phòng đại diện.

- Bản sao điều lệ (đối với doanh nghiệp có trụ sở chính ở tỉnh khác): không cần thiết vì đã có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thể hiện thông tin cần quản lý của doanh nghiệp.

b) Không yêu cầu người đứng đầu văn phòng đại diện ký trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế văn phòng đại diện.

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế văn phòng đại diện của doanh nghiệp nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng không cần chữ ký của người đứng đầu.

c) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì là 7 ngày làm việc) (bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

d) Nâng mức lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký hoạt động văn phòng đại diện có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

141.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa Điều 24 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Công an hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

- Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

- Sửa thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh từ 7 ngày xuống còn 5 ngày.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

142. Thủ tục đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh đối với tổ chức khoa học công nghệ tự trang trải kinh phí - mã số hồ sơ: 058507

142.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Không yêu cầu đại diện pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp (trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế của chi nhánh (trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh).

Lý do:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chỉ là giấy đăng ký cho một tổ chức kinh tế hoạt động nên không cần thiết phải có chữ ký của người đại diện. Mặt khác, cần có sự bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, vì tương ứng thủ tục này đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng không cần chữ ký của đại diện pháp luật.

b) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 20.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ đăng ký tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

c) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc. (thay vì là 7 ngày làm việc) (bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

142.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Sửa mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ban hành kèm theo Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Sửa thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký kinh doanh từ 7 ngày xuống còn 5 ngày.

143. Thủ tục đăng ký kinh doanh hợp tác xã - mã số hồ sơ: 058508

143.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” và “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp” trong Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

Lý do:

Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 496/UBND-ĐTMT ngày 22/01/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chi tiết mẫu Đơn đăng ký kinh doanh bằng cách bổ sung cam kết của doanh nghiệp “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố. Quy định này không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005. Ngoài ra, tại mẫu thành lập doanh nghiệp tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH có câu cam kết “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp”. Do vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã bổ sung câu cam kết trên vào mẫu đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã cho giống với doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Tuy nhiên các cam kết này không còn cần thiết, hợp tác xã tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 15 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký kinh doanh.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 100.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp tác xã có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp mới đăng ký kinh doanh).

d) Điều kiện về ngành nghề kinh doanh: ghi đúng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Lý do:

Theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 thì ngành nghề đăng ký kinh doanh được ghi theo Thông tư liên tịch số

07/2001/TTLB/BKH-TCTK ngày 01/11/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

143.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị bỏ các cam kết và sử dụng đúng mẫu Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã ban hành kèm theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa điểm 2 khoản 2 Điều 15 Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Sửa khoản 3 Điều 15 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Sửa điểm 4 Mục II Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

144. Thủ tục đăng ký kinh doanh liên hiệp hợp tác xã - mã số hồ sơ: 058510

144.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” và “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp” trong Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

Lý do:

Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 496/UBND-ĐTMT ngày 22/01/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chi tiết mẫu Đơn đăng ký kinh doanh bằng cách bổ sung cam kết của doanh nghiệp “Không vi phạm Điều 8 Luật

Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố. Quy định này không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005. Ngoài ra, tại mẫu thành lập doanh nghiệp tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH có câu cam kết “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp”. Do vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã bổ sung câu cam kết trên vào mẫu đơn đăng ký kinh doanh liên hiệp hợp tác xã cho giống với doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Tuy nhiên các cam kết này không còn cần thiết, hợp tác xã tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 15 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký kinh doanh.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 100.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký kinh doanh liên hiệp hợp tác xã có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp mới đăng ký kinh doanh).

d) Điều kiện về ngành nghề kinh doanh: ghi đúng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Lý do:

Theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 thì ngành nghề đăng ký kinh doanh được ghi theo Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK ngày 01/11/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số

07/2001/TTLB/BKH-TCTK đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

144.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị bỏ các câu cam kết và sử dụng đúng mẫu Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã ban hành kèm theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa điểm 2 khoản 2 Điều 15 Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Sửa khoản 3 Điều 15 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Sửa điểm 4 Mục II Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

145. Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã - mã số hồ sơ: 058512

145.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định bằng văn bản của Ban Quản trị về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, cử người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Lý do:

Biên bản hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên đã thể hiện các thông tin cần thiết, nên các thông tin nêu tại Quyết định của Ban Quản trị không còn cần thiết.

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 15 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký kinh doanh.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, HTX. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp đăng ký kinh doanh).

d) Điều kiện về ngành nghề kinh doanh: ghi đúng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Lý do:

Theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 thì ngành nghề đăng ký kinh doanh được ghi theo Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK ngày 01/11/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

145.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa điểm 2 khoản 2 Điều 15 Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Sửa khoản 3 Điều 15 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Sửa điểm 4 Mục II Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

146. Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã (trường hợp hợp tác xã thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính) - mã số hồ sơ: 058515

146.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định bằng văn bản của Ban Quản trị về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, cử người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Lý do:

Biên bản hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên đã thể hiện các thông tin cần thiết, nên các thông tin nêu tại Quyết định của Ban Quản trị không còn cần thiết.

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 15 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký kinh doanh.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, HTX. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp đăng ký kinh doanh).

d) Điều kiện về ngành nghề kinh doanh: ghi đúng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Lý do:

Theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 thì ngành nghề đăng ký kinh doanh được ghi theo Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK ngày 01/11/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng

cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

146.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa điểm 2 khoản 2 Điều 15 Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Sửa khoản 3 Điều 15 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Sửa điểm 4 Mục II Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

147. Thủ tục đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh hợp tác xã - mã số hồ sơ: 043929

147.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của hợp tác xã (thay đổi ngành nghề) mà Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

Lý do:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, các hợp tác xã đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chi tiết mẫu Thông báo thay đổi ngành nghề cho thuận tiện kê khai, phù hợp với mục tiêu quản lý, không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005.

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 7 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian đăng ký thay đổi cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký thay đổi.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp đăng ký kinh doanh).

d) Điều kiện về ngành nghề kinh doanh: ghi đúng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Lý do:

Theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 thì ngành nghề đăng ký kinh doanh được ghi theo Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK ngày 01/11/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

147.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của hợp tác xã (thay đổi ngành nghề) theo Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

- Sửa khoản 5 Điều 17 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Sửa điểm 4 Mục II Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế

hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

148. Thủ tục đăng ký thay đổi nơi đăng ký kinh doanh của hợp tác xã - mã số hồ sơ: 058516

148.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định của Ban Quản trị về thay đổi nơi đăng ký kinh doanh của HTX.

Lý do:

Quyết định của Ban Quản trị về thay đổi nơi đăng ký kinh doanh của HTX không cần thiết vì thông tin đã thể hiện trong Biên bản hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên.

b) Đơn đăng ký kinh doanh HTX: Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” và “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp”.

Lý do:

Câu cam kết không còn cần thiết, HTX nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

c) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi nơi đăng ký kinh doanh): Hợp pháp hóa mẫu Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

Lý do:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, các hợp tác xã đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chi tiết mẫu Thông báo thay đổi nơi đăng ký kinh doanh cho thuận tiện kê khai, phù hợp với mục tiêu quản lý, không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005.

d) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 7 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian đăng ký thay đổi cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký thay đổi.

đ) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp đăng ký kinh doanh).

e) Điều kiện về ngành nghề kinh doanh: ghi đúng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Lý do:

Theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 thì ngành nghề đăng ký kinh doanh được ghi theo Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK ngày 01/11/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

148.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa điểm đ khoản 1 Điều 18 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Đề nghị bỏ câu cam kết và sử dụng đúng mẫu Đơn đăng ký kinh doanh HTX ban hành kèm theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nơi đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

- Sửa khoản 2 Điều 18 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6 điểm b khoản 4 Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày

16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Sửa đổi 4 Mục II Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

149. Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở chính của hợp tác xã khi chuyển địa chỉ trụ sở chính đến nơi khác trong phạm vi tỉnh - mã số hồ sơ: 058517

149.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định của Ban Quản trị về thay đổi trụ sở chính của hợp tác xã.

Lý do:

Không cần thiết vì thông tin đã thể hiện trong Biên bản hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên.

b) Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi trụ sở chính) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

Lý do:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, các hợp tác xã đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chi tiết mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi trụ sở chính) cho thuận tiện kê khai, phù hợp với mục tiêu quản lý, không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005.

c) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 7 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian đăng ký thay đổi cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký thay đổi.

d) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn

phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp đăng ký kinh doanh).

149.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa khoản 1 Điều 19 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi trụ sở chính) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

- Sửa khoản 2 Điều 19 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6 điểm b khoản 4 Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

150. Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở chính của hợp tác xã khi chuyển địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sang tỉnh khác - mã số hồ sơ: 058645

150.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định của Ban Quản trị về thay đổi trụ sở chính của hợp tác xã.

Lý do:

Không cần thiết vì thông tin đã thể hiện trong Biên bản hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên.

b) Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi trụ sở chính) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

Lý do:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, các hợp tác xã đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chi tiết mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi trụ sở chính) cho thuận tiện kê khai, phù hợp với mục tiêu quản lý, không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005.

c) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 15 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian đăng ký thay đổi cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký thay đổi.

d) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp đăng ký kinh doanh).

150.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa khoản 1 Điều 19 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi trụ sở chính) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

- Sửa khoản 2 Điều 19 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6 điểm b khoản 4 Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

151. Thủ tục đăng ký thay đổi tên hợp tác xã - mã số hồ sơ: 050804

151.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định của Ban Quản trị về thay đổi tên của hợp tác xã.

Lý do:

Không cần thiết vì thông tin đã thể hiện trong Biên bản hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên.

b) Bỏ cam kết “Hợp tác xã cam kết kế thừa mọi nghĩa vụ pháp lý của hợp tác xã mang tên cũ, thực hiện đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp về việc thực hiện thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo này” trong mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi tên).

Lý do:

Không còn cần thiết, hợp tác xã phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

c) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 7 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian đăng ký thay đổi cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký thay đổi.

d) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp đăng ký kinh doanh).

151.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa khoản 1 Điều 20 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Bỏ câu cam kết và sử dụng đúng mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi tên) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa khoản 2 Điều 20 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6 điểm b khoản 4 Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

152. Thủ tục đăng ký thay đổi số lượng xã viên hợp tác xã - mã số hồ sơ: 050824

152.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định của Ban Quản trị về thay đổi số lượng xã viên của hợp tác xã.

Lý do:

Không cần thiết vì thông tin đã thể hiện trong Biên bản hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên.

b) Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi số lượng xã viên) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

Lý do:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, các hợp tác xã đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chi tiết mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi số lượng xã viên) cho thuận tiện kê khai, phù hợp với mục tiêu quản lý, không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005.

c) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 7 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian đăng ký thay đổi cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký thay đổi.

d) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp đăng ký kinh doanh).

152.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa khoản 1 Điều 21 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi số lượng xã viên) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

- Sửa khoản 3 Điều 21 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6 điểm b khoản 4 Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

153. Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện pháp luật của hợp tác xã, danh sách Ban Quản trị, Ban Kiểm soát hợp tác xã - mã số hồ sơ: 050580

153.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định của Ban Quản trị về thay đổi người đại diện pháp luật, danh sách Ban Quản trị, Ban Kiểm soát của hợp tác xã.

Lý do:

Không cần thiết vì thông tin đã thể hiện trong Biên bản hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên.

b) Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi người đại diện pháp luật), Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi Ban Quản trị) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

Lý do:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, các hợp tác xã đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chi tiết Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi người đại diện pháp luật), Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi Ban Quản trị) cho thuận tiện kê khai, phù hợp với mục tiêu quản lý, không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005.

c) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 7 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian đăng ký thay đổi cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký thay đổi.

d) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp đăng ký kinh doanh).

153.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa khoản 2 Điều 21 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi người đại diện pháp luật, ban quản trị) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

- Sửa khoản 3 Điều 21 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6 điểm b khoản 4 Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

154. Thủ tục Đăng ký thay đổi người đại diện pháp luật, danh sách Ban Quản trị, Ban Kiểm soát hợp tác xã (trường hợp là người duy nhất có chứng chỉ hành nghề đối với hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề) - mã số hồ sơ: 050874

154.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định của Ban Quản trị về thay đổi người đại diện pháp luật, danh sách Ban Quản trị, Ban Kiểm soát của hợp tác xã.

Lý do:

Không cần thiết vì thông tin đã thể hiện trong Biên bản hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên.

b) Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi người đại diện pháp luật), Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi Ban Quản trị) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

Lý do:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, các hợp tác xã đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chi tiết Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi người đại diện pháp luật), Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi Ban Quản trị) cho thuận tiện kê khai, phù hợp với mục tiêu quản lý, không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005.

c) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 7 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian đăng ký thay đổi cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký thay đổi.

d) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp đăng ký kinh doanh).

154.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa khoản 2 Điều 21 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi người đại diện pháp luật, ban quản trị) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

- Sửa khoản 3 Điều 21 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6 điểm b khoản 4 Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày

16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

155. Thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ hợp tác xã - mã số hồ sơ: 050952

155.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định của Ban Quản trị về thay đổi vốn điều lệ hợp tác xã.

Lý do:

Không cần thiết vì thông tin đã thể hiện trong Biên bản hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên.

b) Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi vốn điều lệ) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

Lý do:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, các hợp tác xã đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chi tiết Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi vốn điều lệ) cho thuận tiện kê khai, phù hợp với mục tiêu quản lý, không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005.

c) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 7 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian đăng ký thay đổi cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký thay đổi.

d) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp đăng ký kinh doanh).

155.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa khoản 1 Điều 22 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi vốn điều lệ) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

- Sửa khoản 2 Điều 22 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6 điểm b khoản 4 Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

156. Thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ hợp tác xã (trường hợp giảm vốn điều lệ đối với hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định) - mã số hồ sơ: 051055

156.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định của Ban Quản trị về thay đổi vốn điều lệ hợp tác xã.

Lý do:

Không cần thiết vì thông tin đã thể hiện trong Biên bản hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên.

b) Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi vốn điều lệ) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

Lý do:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, các hợp tác xã đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chi tiết Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi vốn điều lệ) cho thuận tiện kê khai, phù hợp với mục tiêu quản lý, không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005.

c) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 7 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian đăng ký thay đổi cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký thay đổi.

d) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký thay đổi có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp đăng ký kinh doanh).

156.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa khoản 1 Điều 22 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Hợp pháp hóa mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (thay đổi vốn điều lệ) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đang sử dụng.

- Sửa khoản 2 Điều 22 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa nội dung b.6 điểm b khoản 4 Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

157. Thủ tục đăng ký Điều lệ hợp tác xã sửa đổi - mã số hồ sơ: 058839

157.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định của Ban Quản trị về thay đổi điều lệ hợp tác xã.

Lý do:

Không cần thiết vì thông tin đã thể hiện trong Biên bản hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên.

157.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa khoản 1 Điều 23 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

158. Thủ tục đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã chia - mã số hồ sơ: 058842

158.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” và “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp” trong Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

Lý do:

Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 496/UBND-ĐTMT ngày 22/01/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chi tiết mẫu Đơn đăng ký kinh doanh bằng cách bổ sung cam kết của doanh nghiệp “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố. Quy định này không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005. Ngoài ra, tại mẫu thành lập doanh nghiệp tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH có câu cam kết “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp”. Do vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã bổ sung câu cam kết trên vào mẫu đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã cho giống với doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Tuy nhiên các cam kết này không còn cần thiết, hợp tác xã tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 15 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký kinh doanh.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 100.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã chia có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp mới đăng ký kinh doanh).

d) Điều kiện về ngành nghề kinh doanh: ghi đúng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Lý do:

Theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 thì ngành nghề đăng ký kinh doanh được ghi theo Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK ngày 01/11/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

158.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị bỏ các câu cam kết và sử dụng đúng mẫu Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã ban hành kèm theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa khoản 2 Điều 40 Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Sửa điểm 4 Mục II Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

159. Thủ tục đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã tách - mã số hồ sơ: 058844

159.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” và “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp” trong Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

Lý do:

Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 496/UBND-ĐTMT ngày 22/01/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chi tiết mẫu Đơn đăng ký kinh doanh bằng cách bổ sung cam kết của doanh nghiệp “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố. Quy định này không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005. Ngoài ra, tại mẫu thành lập doanh nghiệp tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH có câu cam kết “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp”. Do vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã bổ sung câu cam kết trên vào mẫu đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã cho giống với doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Tuy nhiên các cam kết này không còn cần thiết, hợp tác xã tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 15 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký kinh doanh.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 100.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã tách có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp mới đăng ký kinh doanh).

d) Điều kiện về ngành nghề kinh doanh: ghi đúng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Lý do:

Theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 thì ngành nghề đăng ký kinh doanh được ghi theo Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK ngày 01/11/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

159.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị bỏ các câu cam kết và sử dụng đúng mẫu Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã ban hành kèm theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa khoản 2 Điều 40 Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Sửa điểm 4 Mục II Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

160. Thủ tục đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã hợp nhất - mã số hồ sơ: 074490

160.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định của Ban Quản trị về việc hợp nhất hợp tác xã.

Lý do:

Quyết định của Ban Quản trị không có quy định tại thành phần hồ sơ đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã hợp nhất.

b) Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” và “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp” trong Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

Lý do:

Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 496/UBND-ĐTMT ngày 22/01/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chi tiết mẫu Đơn đăng ký kinh doanh bằng cách bổ sung cam kết của doanh nghiệp “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố. Quy định này không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005. Ngoài ra, tại mẫu thành lập doanh nghiệp tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH có câu cam kết “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp”. Do vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã bổ sung câu cam kết trên vào mẫu đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã cho giống với doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Tuy nhiên các cam kết này không còn cần thiết, hợp tác xã tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

c) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 15 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký kinh doanh.

d) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 100.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã hợp nhất có chi phí về thời gian, vật chất

tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp mới đăng ký kinh doanh).

đ) Điều kiện về ngành nghề kinh doanh: ghi đúng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Lý do:

Theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 thì ngành nghề đăng ký kinh doanh được ghi theo Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK ngày 01/11/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

160.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Thực hiện đúng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 41 và Điều 13 Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Đề nghị bỏ các câu cam kết và sử dụng đúng mẫu Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã ban hành kèm theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa điểm đ khoản 2 Điều 41 Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Sửa điểm 4 Mục II Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

161. Thủ tục đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã sáp nhập - mã số hồ sơ: 058847

161.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ cam kết “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” và “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp” trong Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

Lý do:

Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 496/UBND-ĐTMT ngày 22/01/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chi tiết mẫu Đơn đăng ký kinh doanh bằng cách bổ sung cam kết của doanh nghiệp “Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng” nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố. Quy định này không trái với Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005. Ngoài ra, tại mẫu thành lập doanh nghiệp tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH có câu cam kết “Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp”. Do vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã bổ sung câu cam kết trên vào mẫu đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã cho giống với doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Tuy nhiên các cam kết này không còn cần thiết, hợp tác xã tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 15 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký kinh doanh.

c) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 100.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã sáp nhập có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp ngoài

quốc doanh. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp mới đăng ký kinh doanh).

d) Điều kiện về ngành nghề kinh doanh: ghi đúng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Lý do:

Theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 thì ngành nghề đăng ký kinh doanh được ghi theo Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK ngày 01/11/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

161.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị bỏ các câu cam kết và sử dụng đúng mẫu Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã ban hành kèm theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa điểm d khoản 3 Điều 41 Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Sửa điểm 4 Mục II Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

162. Thủ tục thông báo tạm ngừng hợp tác xã - mã số hồ sơ: 058883

162.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thành phần hồ sơ: bỏ Quyết định bằng văn bản của Ban Quản trị về việc tạm

ngung hoạt động của hợp tác xã.

Lý do:

Vì biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội xã viên đã thể hiện các thông tin cần thiết.

162.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa khoản 2 Điều 25 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

163. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (khi mất) - mã số hồ sơ: 058863

163.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới HTX, doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp mới đăng ký kinh doanh).

163.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

164. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (khi hư hỏng) - mã số hồ sơ: 058865

164.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới HTX, doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp mới đăng ký kinh doanh).

164.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

165. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi mất) - mã số hồ sơ: 058866

165.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới HTX, doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp mới đăng ký kinh doanh).

165.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

166. Thủ tục cấp lại đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hợp

tác xã (khi hư hỏng) - mã số hồ sơ: 058867

166.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Nâng mức thu lệ phí lên thành 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Mức thu 10.000đ do Bộ Tài chính quy định từ năm 2000, hiện nay không còn phù hợp vì hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động có chi phí về thời gian, vật chất tương đương với hồ sơ đăng ký thành lập mới HTX, doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp mới đăng ký kinh doanh).

166.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa nội dung b.6, điểm b, khoản 4, Mục III Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

167. Thủ tục đăng ký giải thể hợp tác xã - mã số hồ sơ: 058868

167.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thu lệ phí 200.000 đồng (bằng mức lệ phí thành lập doanh nghiệp).

Lý do:

Đối với hồ sơ giải thể hợp tác xã pháp luật không quy định việc thu lệ phí. Hiện nay việc thẩm định hồ sơ giải thể hợp tác xã giống như thẩm định hồ sơ thành lập mới và thay đổi đăng ký kinh doanh trong đó có chi phí về vật chất, thời gian và số lượng hồ sơ. Do đó, đề xuất mức thu 200.000 đồng (bằng mức lệ phí cấp mới đăng ký kinh doanh).

b) Thời gian giải quyết là 5 ngày làm việc (thay vì 7 ngày làm việc).

Lý do:

5 ngày là bằng với thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho doanh nghiệp, nhằm thống nhất thời gian cấp đăng ký kinh doanh.

167.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị Bộ Tài chính quy định mức thu lệ phí 200.000 đồng đối với hồ sơ giải thể.

- Sửa điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Sửa khoản 1 Điều 42 Luật Hợp tác xã năm 2003.

168. Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện) - mã số hồ sơ: 058859

168.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính này.

Lý do:

Vì trùng với thủ tục hành chính giải thể hợp tác xã (058868).

168.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo hướng bỏ thủ tục này.

XXII. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

1. Thủ tục Cấp Giấy đăng ký tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp - mã số hồ sơ: 030780

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 10 ngày làm việc thay vì 15 ngày như đã công bố theo quy định.

Lý do:

Số lượng hồ sơ phát sinh hàng năm không nhiều (dưới 10 hồ sơ/năm). Do đó, thời gian giải quyết thủ tục hành chính cần giảm bớt để tạo thuận lợi cho doanh

nghiệp.

b) Tăng lệ phí từ 300.000 đồng lên 1 triệu đồng/thủ tục.

Lý do:

Lệ phí hiện thu không đủ bù đắp chi phí để thực hiện thủ tục.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: sửa đổi điểm b, khoản 6 của Thông tư số 19/2005/TT-BTM ngày 08/11/2005 hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 110/2005/NĐ-CP ngày 24/8/2005 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Về lệ phí giải quyết thủ tục: sửa đổi khoản 1, Điều 1 Quyết định số 92/2005/QĐ-BTC ngày 09/12/2005 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp.

2. Thủ tục Cấp lại Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp trong trường hợp bị rách, nát - mã số hồ sơ: 030793

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 04 ngày làm việc thay vì 05 ngày như đã công bố theo quy định.

Lý do:

Số lượng hồ sơ phát sinh hàng năm không nhiều và thủ tục đơn giản. Do đó, thời gian giải quyết thủ tục hành chính cần giảm bớt để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Tăng lệ phí từ 100.000 đồng lên 600.000 đồng/thủ tục.

Lý do:

Lệ phí hiện thu không đủ bù đắp chi phí để thực hiện thủ tục.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: sửa đổi điểm c, khoản 8 của Thông tư số 19/2005/TT-BTM ngày 08/11/2005 hướng dẫn một số nội dung quy định tại

Nghị định số 110/2005/NĐ-CP ngày 24/8/2005 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Về lệ phí giải quyết thủ tục: sửa đổi khoản 3, Điều 1 Quyết định số 92/2005/QĐ-BTC ngày 09/12/2005 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp.

3. Thủ tục Cấp lại Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp trong trường hợp bị mất - mã số hồ sơ: 030801

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 04 ngày làm việc thay vì 05 ngày như đã công bố theo quy định.

Lý do:

Số lượng hồ sơ phát sinh hàng năm không nhiều và thủ tục đơn giản. Do đó, thời gian giải quyết thủ tục hành chính cần giảm bớt để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Tăng lệ phí từ 100.000 đồng lên 600.000 đồng/thủ tục.

Lý do:

Lệ phí hiện thu không đủ bù đắp chi phí để thực hiện thủ tục.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: sửa đổi điểm c, khoản 8 của Thông tư số 19/2005/TT-BTM ngày 08/11/2005 hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 110/2005/NĐ-CP ngày 24/8/2005 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Về lệ phí giải quyết thủ tục: sửa đổi khoản 3, Điều 1 Quyết định số 92/2005/QĐ-BTC ngày 09/12/2005 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp.

4. Thủ tục Cấp bổ sung Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp - mã số hồ sơ: 030809

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 10 ngày làm việc thay vì 15 ngày như đã công bố theo quy định.

Lý do:

Số lượng hồ sơ phát sinh hàng năm không nhiều. Do đó, thời gian giải quyết thủ tục hành chính cần giảm bớt để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Tăng lệ phí từ 200.000 đồng lên 600.000 đồng/thủ tục.

Lý do:

Lệ phí hiện thu không đủ bù đắp chi phí để thực hiện thủ tục.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: sửa đổi điểm b, khoản 6 của Thông tư số 19/2005/TT-BTM ngày 08/11/2005 hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 110/2005/NĐ-CP ngày 24/8/2005 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Về lệ phí giải quyết thủ tục: sửa đổi khoản 2, Điều 1 Quyết định số 92/2005/QĐ-BTC ngày 09/12/2005 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp.

5. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu - mã số hồ sơ: 030584

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 15 ngày làm việc thay vì 30 ngày như quy định.

Lý do:

Thực tế chỉ cần 15 ngày là đủ để giải quyết xong hồ sơ.

b) Bãi bỏ mẫu đơn đã công bố và thay bằng mẫu đơn mới ban hành kèm theo Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Lý do:

Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu thay thế Nghị định 55/2007/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 15/12/2009.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Sửa điểm b, khoản 3, Điều 16 của Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu: "...Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu...".

2. Thay thế mẫu đơn của thủ tục đã công bố kèm theo Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh bằng mẫu đơn mới ban hành kèm theo Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

6. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai - mã số hồ sơ: 029755

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 10 ngày làm việc thay vì 20 ngày như quy định.

Lý do:

Có thể giảm thời gian giải quyết hồ sơ để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa khoản c, Điều 12 của Quyết định số 36/2006/QĐ-BCN ngày 16/10/2006 của Bộ Công nghiệp ban hành Quy chế nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai.

7. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí đốt hóa lỏng - mã số hồ sơ: 029907

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 07 ngày làm việc thay vì 15 ngày như quy định.

Lý do:

Giảm thời gian giải quyết hồ sơ để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi quy định về thời gian giải quyết thủ tục tại Thông tư số 15/1999/TT-BTM ngày 19/5/1999 của Bộ Thương mại về hướng dẫn kinh doanh khí đốt hóa lỏng.

8. Thủ tục Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp - mã số hồ sơ: 029844

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 07 ngày làm việc thay vì 20 ngày như quy định.

Lý do:

Quy định mới có hiệu lực thi hành.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện thời gian giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 4, Điều 12 của Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp.

9. Thủ tục Cấp giấy khai báo hóa chất công nghiệp - mã số hồ sơ: 029805

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Đổi tên (cũ) của thủ tục Cấp giấy khai báo hoá chất công nghiệp thành tên (mới) Cấp giấy khai báo sản xuất hóa chất công nghiệp.

Lý do:

Quy định mới có hiệu lực thi hành (Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất).

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi tên của thủ tục đã công bố kèm theo Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

10. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình điện sử dụng vốn ngân sách nhà nước - mã số hồ sơ: 068330

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 15 ngày làm việc thay vì 20 ngày như quy định.

Lý do:

Quy định mới có hiệu lực thi hành.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện thời gian giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

11. Thủ tục Đăng ký thực hiện khuyến mại - mã số hồ sơ: 045437

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 05 ngày làm việc thay vì 07 ngày như quy định.

Lý do:

Để tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại;

b) Giảm bớt các thành phần hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính như sau:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao tờ khai hàng hóa nhập khẩu (đối với hàng hóa nhập khẩu);

- Giấy ủy quyền làm dịch vụ khuyến mại (nếu có);

Lý do:

Để tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: sửa đổi tại điểm a, khoản 6 của Thông tư số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 của Liên Bộ Thương mại và Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

2. Quy định về thành phần hồ sơ: Thực hiện quy định về thành phần hồ sơ tại khoản 4, Mục II Thông tư số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 của Liên Bộ Thương mại và Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại: bỏ các yêu cầu về thành phần hồ sơ không đúng quy định trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương đã ban hành kèm theo Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

12. Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại - mã số hồ sơ: 045501

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 05 ngày làm việc thay vì 07 ngày như quy định.

Lý do:

Tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân khi thực hiện chương trình khuyến mại.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi tại điểm a, khoản 6 của Thông tư số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06/7/2007 của Liên Bộ Thương mại và Tài chính về hướng dẫn một số điều về

khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại qui định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ.

13. Thủ tục Đăng ký dấu nghiệp vụ lần đầu - mã số hồ sơ: 043553

13.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 7 ngày làm việc thay vì 10 ngày như đã công bố.

Lý do:

Giúp doanh nghiệp nhanh chóng ổn định các hoạt động kinh doanh, không bị gián đoạn vì phải mất thời gian chờ đợi.

b) Tăng lệ phí từ 20.000 đồng lên 100.000 đồng/thủ tục.

Lý do:

Lệ phí hiện thu không đủ bù đắp chi phí để thực hiện thủ tục.

13.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

1. Về thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Sửa đổi điểm a và b, khoản 3, Mục II của Thông tư số 06/2006/TT-BTM ngày 11/4/2006 hướng dẫn về thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

2. Về lệ phí: Sửa đổi Điều 1 của Quyết định số 58/2006/QĐ-BTC ngày 20/10/2006 quy định quy chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký dấu nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

14. Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ - mã số hồ sơ: 045319

14.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 7 ngày làm việc thay vì 10 ngày như đã công bố.

Lý do:

Giúp doanh nghiệp nhanh chóng ổn định các hoạt động kinh doanh, không bị gián đoạn vì phải mất thời gian chờ đợi.

b) Tăng lệ phí từ 20.000 đồng lên 100.000 đồng/thủ tục.

Lý do:

Lệ phí hiện thu không đủ bù đắp chi phí để thực hiện thủ tục.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Về thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Sửa đổi điểm a và b, khoản 3, Mục II của Thông tư số 06/2006/TT-BTM ngày 11/4/2006 hướng dẫn về thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

2. Về lệ phí: Sửa đổi Điều 1 của Quyết định số 58/2006/QĐ-BTC ngày 20/10/2006 quy định quy chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký dấu nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

15. Thủ tục Đăng ký đăng ký lại mẫu dấu do thương nhân chuyển địa chỉ trụ sở về thành phố Hồ Chí Minh - mã số hồ sơ: 045415

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 7 ngày làm việc thay vì 10 ngày như đã công bố.

Lý do:

Giúp doanh nghiệp nhanh chóng ổn định các hoạt động kinh doanh, không bị gián đoạn vì phải mất thời gian chờ đợi.

b) Tăng lệ phí từ 20.000 đồng lên 100.000 đồng/thủ tục.

Lý do:

Lệ phí hiện thu không đủ bù đắp chi phí để thực hiện thủ tục.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thông tư số 06/2006/TT-BTM ngày 11/4/2006 hướng dẫn về thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

2. Về lệ phí: Sửa đổi Điều 1 của Quyết định số 58/2006/QĐ-BTC ngày 20/10/2006 quy định quy chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký dấu nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

16. Thủ tục Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam - mã số hồ sơ: 045693

16.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Tăng lệ phí từ 1 (một) triệu đồng lên 5 (năm) triệu đồng/thủ tục.

Lý do:

Lệ phí hiện thu không đủ bù đắp chi phí để thực hiện thủ tục.

16.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Sửa đổi Thông tư số 73/1999/TT-BTC ngày 14/6/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu lệ phí cấp phép đặt văn phòng đại diện thường trú của tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

17. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu - mã số hồ sơ: 029562

17.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu.

Lý do:

Theo quy định tại Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng; công văn số 6659/UBND-ĐTMT ngày 15/12/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản, thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu do chủ đầu tư thực hiện.

17.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Bỏ nội dung của thủ tục hành chính đã công bố trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (ban hành kèm theo Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh).

18. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu - mã số hồ sơ: 029706

18.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bộ thủ tục hành chính tên: Thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu.

Lý do:

Theo quy định tại Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng; Công văn số 6659/UBND-ĐTMT ngày 15/12/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản, thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu do chủ đầu tư thực hiện.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ nội dung của thủ tục hành chính đã công bố trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (ban hành kèm theo Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh).

19. Thủ tục Phê duyệt kế hoạch ngăn ngừa khắc phục sự cố hóa chất - mã số hồ sơ: 029891

19.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bộ thủ tục hành chính tên: Phê duyệt kế hoạch ngăn ngừa khắc phục sự cố hóa chất.

Lý do:

Theo Điều 41 của Luật Hóa chất, thẩm quyền phê duyệt kế hoạch ngăn ngừa khắc phục sự cố hóa chất là thuộc Bộ Công Thương.

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ nội dung của thủ tục hành chính đã công bố trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (ban hành kèm theo Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh).

20. Thủ tục Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam - mã số hồ sơ: 045887

20.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Lý do:

Theo quy định tại Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25/7/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam có thủ tục Gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, thủ tục Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và thủ tục Gia hạn và điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Do đó, bỏ thủ tục hành chính “Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam” để thuận tiện cho việc liên hệ làm thủ tục của thương nhân.

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ nội dung của thủ tục hành chính đã công bố trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (ban hành kèm theo Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh).

21. Thủ tục Gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam - mã số hồ sơ: 045819

21.1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Lý do:

Theo quy định tại Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25/7/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam có thủ tục Gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, thủ tục Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và thủ tục Gia hạn và điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Do đó, bỏ thủ tục hành chính “Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam” để thuận tiện cho việc liên hệ làm thủ tục của thương nhân.

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ nội dung của thủ tục hành chính đã công bố trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (ban hành kèm theo Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh).

XXIII. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH**1. Thủ tục Thẩm định giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo cơ chế giá thị trường - mã số hồ sơ: 064717**

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay đổi tên gọi của thủ tục này là “Thẩm định giá nhà, đất theo giá thị trường”.

Lý do:

Vì thủ tục này được thực hiện theo quy định của Quyết định số 281/2003/QĐ-UB ngày 01/12/2003 của UBND TP nên việc gộp chung với thủ tục “Thẩm định giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo giá thị trường”, và thủ tục “Xác định giá trị quyền sử dụng đất” thành một thủ tục là hợp lý. Đồng thời việc gộp chung các thủ tục cần được thay đổi tên gọi cho phù hợp.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Quyết định số 281/2003/QĐ-UB ngày 01/12/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành bản “Quy định về quy trình và phương pháp thẩm định giá bán bất động sản thuộc sở hữu nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh”.

2. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư - mã số hồ sơ: 063147

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Lý do:

Thủ tục hành chính này trước đây Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thực hiện thủ tục này, nay đã được thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Thông tư hướng dẫn số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Thông tư hướng dẫn số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất.

3. Thủ tục Phê duyệt hồ sơ phương án giá (do nhà nước quản lý định giá, quy định giá thuộc thẩm quyền) - mã số hồ sơ: 064425

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay đổi tên gọi thủ tục này thành thủ tục “Thẩm định và trình phê duyệt phương án giá (do Nhà nước quản lý định giá, quy định giá thuộc thẩm quyền)”.

Lý do:

Đổi tên TTHC này thành tên mới là “Thẩm định và trình phê duyệt phương án giá (do Nhà nước quản lý định giá, quy định giá thuộc thẩm quyền)” để phù hợp với danh mục TTHC do Bộ Tài chính ban hành.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá.

4. Thủ tục Thẩm định phương án giá (do Nhà nước quản lý định giá; quy định giá thuộc thẩm quyền) - mã số hồ sơ: 062269

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm định phương án giá (do Nhà nước quản lý định giá; quy định giá thuộc thẩm quyền).

Lý do:

Nhập thủ tục này vào thủ tục “Thẩm định và trình phê duyệt phương án giá (do Nhà nước quản lý định giá, quy định giá thuộc thẩm quyền)” (064425) để phù hợp với danh mục TTHC do Bộ Tài chính ban hành.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá.

5. Thủ tục Thẩm định quyết toán ngân sách cấp dưới - mã số hồ sơ: 064732

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

- Bãi bỏ biểu 01/TC, 03/ĐVDT của Thông tư số 101/2005/TT-BTC ngày 17/11/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết

toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp và thay thế bằng biểu 01/TC của Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

- Bãi bỏ biểu 34 của Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 và thay thế bằng biểu mẫu có tên mới là “Số bổ sung từng cấp huyện cho ngân sách từng xã, phường, thị trấn năm” (Biểu 34 - Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003).

Lý do:

- Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 thay thế Thông tư số 101/2005/TT-BTC ngày 17/11/2005.

- Do sơ suất cho nên việc cung cấp tên và biểu mẫu không chính xác với nội dung của thủ tục hành chính (giai đoạn 1)

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

- Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

6. Thủ tục Thẩm định và quyết toán chi vốn xây dựng cơ bản hàng năm - mã số hồ sơ: 063140

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung bước 4: Trình tự thực hiện: “Sau khi nhận đủ báo cáo quyết toán của các Sở - ngành thành phố, quận - huyện, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo quyết toán chi đầu tư XDCB năm gửi Bộ Tài chính và ra thông báo thẩm tra quyết toán gửi đơn vị có nhu cầu qua đường bưu điện” thành như sau: Bước 4: “Sau khi nhận đủ báo cáo quyết toán của các Sở - ngành, quận - huyện, Sở Tài chính sẽ kiểm tra đối chiếu với Kho bạc Nhà nước Thành phố tổng hợp báo cáo quyết toán cho đầu

tư XDCCB hằng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố phê chuẩn, Sở Tài chính gửi Nghị quyết phê chuẩn về cho Bộ Tài chính”.

Lý do:

Sửa đổi bước 4 để phù hợp với khoản 2 Điều 5 tại Thông tư số 224/2009/TT-BTC ngày 26/11/2009 của Bộ Tài chính.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện tại Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02/01/2007 của Bộ Tài chính “Về hướng dẫn dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp” và Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm” và khoản 2 điều 5 của Thông tư số 224/2009/TT-BTC ngày 26/11/2009 của Bộ Tài chính “Quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2010”.

7. Thủ tục Chi ngân sách cho các đơn vị, cá nhân - mã số hồ sơ: 063150

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục này thành tên thủ tục mới là: Chi ngân sách cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị.

Lý do:

Để thể hiện nội dung thủ tục chính xác hơn.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Quyết định số 120/2008/QĐ-BTC ngày 22/12/2008 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước.

8. Thủ tục Thoái thu số nộp ngân sách nhà nước trong trường hợp không điều tiết về Trung ương - mã số hồ sơ: 063151

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục này thành tên thủ tục mới là: Hoàn trả các khoản đã thu nộp ngân sách nhà nước.

Lý do:

Để thể hiện nội dung thủ tục chính xác hơn.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 68/2001/TT-BTC ngày 24/8/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn trả các khoản thu đã nộp ngân sách nhà nước.

9. Thủ tục Lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách địa phương - mã số hồ sơ: 063277

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ 08 biểu mẫu báo cáo của Thông tư số 127/2008/TT-BTC ngày 19/6/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2010, bao gồm:

- Biểu 1: Tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2009 - 2010 và giai đoạn 2011 - 2015

- Biểu 3: Thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015

- Biểu 3a: Tổng hợp số thuế được miễn, giảm, gia hạn năm 2009 theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 58/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Biểu 5: Tổng hợp nhu cầu vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương năm 2010 để thực hiện các dự án, nhiệm vụ quan trọng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Biểu 6: Tình hình huy động vốn đầu tư phát triển theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước, dư nợ ngân sách địa phương giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015

- Biểu 7: Tổng hợp vốn huy động đầu tư xã hội giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015

- Biểu 9: Báo cáo kết quả phân bổ, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án 5 triệu ha rừng năm 2009 và dự toán năm 2010

- Biểu 10: Báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán vốn đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW để thực hiện chương trình, dự án, nhiệm vụ quan trọng năm 2009 và năm 2010

Lý do:

Nội dung báo cáo của các biểu này trùng với một số biểu báo cáo theo Thông tư số 59/2003/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và một số yêu cầu không thể cập nhật số liệu liên tục và chính xác.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Thực hiện theo Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

- Đề nghị bãi bỏ 08 biểu mẫu của Thông tư số 127/2008/TT-BTC ngày 19/6/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2010.

10. Thủ tục Thẩm định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc khối thành phố quản lý - mã số hồ sơ: 063542

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục này thành tên thủ tục mới là: “Thẩm định phân bổ dự toán (đầu năm, điều chỉnh tăng - giảm trong năm) thu, chi ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc khối thành phố quản lý”

Lý do:

Để phù hợp với quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

11. Thủ tục Thẩm định nhu cầu bổ sung kinh phí và thẩm định hiệp y dự toán kinh phí (bao gồm kinh phí chi thường xuyên, kinh phí chương trình mục tiêu, kinh phí đào tạo) - mã số hồ sơ: 064762

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Đổi tên thủ tục này thành tên thủ tục mới là: “Thẩm định nhu cầu và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí để giải quyết các khoản chi thường xuyên, giải quyết các chế độ về cơ chế chính sách”

Lý do:

Đổi tên để phù hợp với quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước

b) Bãi bỏ 10 mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- + Tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...(Biểu số 01)
- + Tổng hợp dự toán chi ngân sách nhà nước năm...(Biểu số 03)
- + Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...(Biểu số 04)
- + Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...(Biểu số 05)
- + Cơ sở tính chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học năm...(Biểu số 13)
- + Thuyết minh chi các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học năm...(Biểu số 14)
- + Cơ sở tính chi sự nghiệp y tế năm...(Biểu số 15)
- + Cơ sở tính chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề năm... (Biểu số 16)
- + Cơ sở tính chi quản lý nhà nước năm... (Biểu số 20)
- + Tổng hợp biên chế - tiền lương (Biểu số 21)

Lý do:

Vì chỉ cần công văn đề nghị kèm theo chi tiết dự toán kinh phí của đơn vị.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

12. Thủ tục Thẩm định Đề án quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập - mã số hồ sơ: 064708

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục này thành tên thủ tục mới là: “Thẩm định phương án quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập”

Lý do:

Do căn cứ tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính có quy định đơn vị sự nghiệp công lập lập phương án (không phải đề án) tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính gửi cơ quan có thẩm quyền để xem xét.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập”.

13. Thủ tục Trích kinh phí phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông - mã số hồ sơ: 063611

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục này thành tên thủ tục mới là “Trích kinh phí phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt và

đường thủy nội địa”.

Lý do:

Đề phù hợp theo trích yếu của Thông tư số 89/2007/TT-BTC ngày 25/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Tại điểm 2, phần II của Thông tư số 89/2007/TT-BTC ngày 25/7/2007 đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi việc hạch toán tiền thu phạt vi phạm hành chính (phần “Trình tự thực hiện”) như sau:

“Định kỳ hàng quý, căn cứ số tiền phạt thực tế thu được do Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo, Sở Tài chính điều chỉnh số tiền phạt thu được quý trước theo thực tế và tạm trích kinh phí quý sau cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định tại Mục III Thông tư này. Nếu số tạm trích nhỏ hơn số được trích theo quy định, thì được trích tiếp cho đủ mức quy định; nếu số tạm trích lớn hơn số được trích theo quy định, thì trừ vào số được trích quý sau”.

14. Thủ tục Thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước - mã số hồ sơ: 064721

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Đề nghị bỏ một số ý trong phần nội dung thuộc các biểu mẫu:

- Biểu mẫu 03 (Tình hình thực hiện đầu tư qua các năm): đề nghị bỏ “Vốn đầu tư quy đổi”

- Biểu mẫu 05 (Tài sản cố định mới tăng): đề nghị bỏ “Giá đơn vị quy đổi” và “Tổng nguyên giá quy đổi”.

- Biểu mẫu 06 (Tài sản lưu động bàn giao): đề nghị bỏ “Giá đơn vị quy đổi” và “Giá trị quy đổi”.

Lý do:

- Không có chứng từ thực tế, chỉ là con số giá trị tính theo công thức quy đổi

không phải là chi phí đầu tư thực tế (Thông tư 33/2007/TT-BTC quy định rõ vốn đầu tư quyết toán là chi phí thực tế).

- Không tính được vì hiện nay đơn giá trúng thầu là đơn giá tổng hợp không tách được chủng loại vật tư và giá cả cụ thể.

- Rất phức tạp: vì công trình xây dựng có hàng trăm loại vật tư cần phải xác định. Tuy nhiên về việc thống kê giá cả qua từng năm không đủ và không có.

- Vốn quy đổi không có giá trị pháp lý và không thể cân đối thu chi theo chứng từ thực tế.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị bỏ một số ý trong phần nội dung thuộc các biểu mẫu (vốn đầu tư quy đổi; Giá đơn vị quy đổi và Tổng nguyên giá quy đổi; giá đơn vị quy đổi và giá trị quy đổi) thuộc Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 về hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước

15. Thủ tục Đăng ký tài sản nhà nước đối với trụ sở làm việc và xe ô tô - mã số hồ sơ: 064466

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Nhập 2 thủ tục hành chính: Thủ tục Đăng ký tài sản nhà nước là trụ sở làm việc và xe ô tô, (064466) và Thủ tục Đăng ký tài sản nhà nước đối với tài sản từ 500 triệu đồng trở lên, (062005) thành 01 thủ tục có tên mới là: Thủ tục Đăng ký tài sản nhà nước đối với tài sản là nhà làm việc, phương tiện đi lại và tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

Lý do:

Giống nhau về tiêu chí.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước.

16. Thủ tục Điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc, phương tiện vận tải - mã số hồ sơ: 064508

16.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung: Nhập hai thủ tục hành chính: Thủ tục Điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc, phương tiện vận tải, (064508) và Thủ tục Điều chuyển tài sản khác (từ 500 triệu đồng trở lên), (062309) thành một thủ tục hành chính có tên mới là: “Thủ tục Điều chuyển tài sản nhà nước là nhà làm việc, xe ô tô phục vụ công tác và tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng /1 đơn vị tài sản”.

Lý do:

Giống nhau về tiêu chí.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước.

17. Thủ tục Thu hồi tài sản là trụ sở làm việc, phương tiện đi lại - mã số hồ sơ: 062373

17.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Nhập 2 thủ tục hành chính: Thu hồi tài sản là các tài sản khác (từ 500 triệu đồng trở lên); (063128) và Thu hồi tài sản là trụ sở làm việc, phương tiện đi lại; (062373) thành 01 thủ tục có tên mới là: Thủ tục thu hồi tài sản là nhà làm việc, xe ô tô phục vụ công tác và tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

Lý do:

Giống nhau về tiêu chí.

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước.

18. Thủ tục Lập phương án xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc đối với tài sản có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên không phải là nhà đất và phương tiện giao thông vận tải - mã số hồ sơ: 063169

18.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Nhập 02 thủ tục hành chính: Lập phương án xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc đối với tài sản có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên không phải là nhà đất và phương tiện giao thông vận tải (063169) và Lập phương án xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc đối với tài sản là nhà đất và phương tiện giao thông vận tải (064583) thành 01 thủ tục hành chính có tên mới là: “Lập phương án xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc”.

Lý do:

02 thủ tục hành chính nêu trên có cùng mục tiêu là quản lý nhà nước về xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc và Sở Tài chính là cơ quan đầu mối tập trung việc thực hiện thủ tục hành chính.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 116/2005/TT-BTC ngày 19/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước khi dự án kết thúc.

19. Thủ tục Cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí - mã số hồ sơ: 062316

19.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Nhập 03 thủ tục: Thủ tục cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí (062302) và Thủ tục cấp trợ giá cước vận chuyển ấn phẩm văn hóa xuất khẩu (062323) và Thủ tục cấp phát kinh phí trợ giá đàn giống gốc (062338) thành 1 thủ tục có tên mới là: “Cấp phát bù lỗ thủy lợi phí, trợ giá cước vận chuyển văn hóa phẩm xuất khẩu, trợ giá đàn giống gốc”.

Lý do:

Cùng tính chất cấp phát

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

20. Thủ tục Lập dự toán ngân sách nhà nước - mã số hồ sơ: 064628

20.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Lập dự toán ngân sách nhà nước

Lý do:

Nhập vào thủ tục Lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách địa phương (063277) (do là một phần của thủ tục Lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách địa phương).

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

- Đề nghị bãi bỏ 08 biểu mẫu của Thông tư số 127/2008/TT-BTC ngày 19/6/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2010.

21. Thủ tục Hoàn trả các khoản đã nộp ngân sách nhà nước - mã số hồ sơ: 063422

21.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ thủ tục hành chính tên: Hoàn trả các khoản đã nộp ngân sách nhà nước

Lý do:

Nhập vào thủ tục Hoàn trả các khoản đã thu nộp ngân sách nhà nước

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 68/2001/TT-BTC ngày 24/8/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn trả các khoản thu đã nộp ngân sách nhà nước.

22. Thủ tục Chi trả nợ dân - mã số hồ sơ: 063488

22.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Chi trả nợ dân

Lý do:

Nhập vào thủ tục Chi ngân sách cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị.

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Quyết định 120/2008/QĐ-BTC ngày 22/12/2008 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước.

23. Thủ tục Thoái trả tiền sử dụng đất đối với trường hợp đã nộp hết tiền mua nhà thuộc sở hữu nhà nước, nay Nhà nước hỗ trợ cho người có công - mã số hồ sơ: 063511

23.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thoái trả tiền sử dụng đất đối với trường hợp đã nộp hết tiền mua nhà thuộc sở hữu nhà nước, nay Nhà nước hỗ trợ cho người có công.

Lý do:

Nhập vào thủ tục Hoàn trả các khoản đã thu nộp ngân sách nhà nước

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Quyết định số 120/2008/QĐ-BTC ngày 22/12/2008 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước.

24. Thủ tục Thủ tục Cấp bổ sung dự toán kinh phí hoạt động để giải quyết các chế độ chính sách về tài chính, kế toán - mã số hồ sơ: 063557

24.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Cấp bổ sung dự toán kinh phí hoạt động để giải quyết các chế độ chính sách về tài chính, kế toán

Lý do:

Do về nội dung, trình tự thực hiện và cơ quan có thẩm quyền thực hiện trùng với thủ tục “Thẩm định nhu cầu và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí để giải quyết các khoản chi thường xuyên, giải quyết các chế độ về cơ chế chính sách”.

24.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

25. Thủ tục Thẩm tra dự toán năm, điều chỉnh dự toán năm - mã số hồ sơ: 063572

25.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm tra dự toán năm, điều chỉnh dự toán năm

Lý do:

Do về nội dung, trình tự thực hiện và cơ quan có thẩm quyền thực hiện trùng với thủ tục “Thẩm định phân bổ dự toán (đầu năm, điều chỉnh tăng - giảm trong năm) thu, chi ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc khối thành phố quản lý”

25.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

26. Thủ tục Trình bổ sung dự toán - mã số hồ sơ: 063583

26.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Trình bổ sung dự toán

Lý do:

Do về nội dung, trình tự thực hiện và cơ quan có thẩm quyền thực hiện trùng với thủ tục “Thẩm định nhu cầu và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí để giải quyết các khoản chi thường xuyên, giải quyết các chế độ về cơ chế chính sách”.

26.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

27. Thủ tục Lập kế hoạch mua sắm sửa chữa tài sản - mã số hồ sơ: 063594

27.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Lập kế hoạch mua sắm sửa chữa tài sản

Lý do:

Do về nội dung, trình tự thực hiện và cơ quan có thẩm quyền thực hiện trùng với

thủ tục “Thẩm định nhu cầu và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí để giải quyết các khoản chi thường xuyên, giải quyết các chế độ về cơ chế chính sách”.

27.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

28. Thủ tục Thẩm định dự toán cấp phát, quyết toán ngân sách hành chính sự nghiệp - mã số hồ sơ: 063625

28.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm định dự toán cấp phát, quyết toán ngân sách hành chính sự nghiệp

Lý do:

Do về nội dung, trình tự thực hiện và cơ quan có thẩm quyền thực hiện trùng với thủ tục “Xét duyệt (thẩm định) và thông báo xét duyệt (thẩm định) quyết toán ngân sách năm đối với các đơn vị dự toán” (064579) và thủ tục “Chi ngân sách cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị”

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

- Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02/01/2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và Thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và ngân sách các cấp.

29. Thủ tục Giải quyết các khoản chi thường xuyên - mã số hồ sơ: 063635

29.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Giải quyết các khoản chi thường xuyên

Lý do:

Do về nội dung, trình tự thực hiện và cơ quan có thẩm quyền thực hiện trùng với thủ tục “Thẩm định phân bổ dự toán (đầu năm, điều chỉnh tăng - giảm trong năm) thu, chi ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc khối thành phố quản lý” và thủ tục “Chi ngân sách cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị”

29.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

30. Thủ tục Điều chỉnh dự toán chi ngân sách của các đơn vị trong phạm vi tổng dự toán được Ủy ban nhân dân thành phố giao - mã số hồ sơ: 064383

30.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Điều chỉnh dự toán chi ngân sách của các đơn vị trong phạm vi tổng dự toán được Ủy ban nhân dân thành phố giao

Lý do:

Do về nội dung, trình tự thực hiện và cơ quan có thẩm quyền thực hiện trùng với thủ tục “Thẩm định phân bổ dự toán (đầu năm, điều chỉnh tăng - giảm trong năm) thu, chi ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc khối thành phố quản lý” và thủ tục “Chi ngân sách cho các cá nhân, tổ chức đơn vị”

30.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

31. Thủ tục Chi ngân sách cho các đơn vị đã có trong dự toán được giao - mã số hồ sơ: 064390

31.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Chi ngân sách cho các đơn vị đã có trong dự toán được giao

Lý do:

Do về nội dung, trình tự thực hiện và cơ quan có thẩm quyền thực hiện trùng với thủ tục “Chi ngân sách cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị”

31.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

32. Thủ tục Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất aaaaaa - mã số hồ sơ: 062428

32.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ thủ tục hành chính tên: Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

Lý do:

Hết thời gian có hiệu lực thi hành theo quy định tại Thông tư số 29/2006/TT-BTC ngày 04/4/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn Nghị định số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/01/2006 của Chính phủ

32.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thông tư số 29/2006/TT-BTC ngày 04/4/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn Nghị định số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/01/2006 của Chính phủ hết hiệu lực.

33. Thủ tục Thu hồi tài sản là các tài sản khác (từ 500 triệu đồng trở lên) - mã số hồ sơ: 063128

33.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thu hồi tài sản là các tài sản khác (từ 500 triệu đồng trở lên)

Lý do:

Do nhập với “Thủ tục thu hồi tài sản là nhà làm việc, xe ô tô phục vụ công tác và tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản” vì giống nhau về tiêu chí.

33.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước.

34. Thủ tục Đăng ký tài sản Nhà nước đối với tài sản từ 500 triệu đồng trở lên - mã số hồ sơ: 062005

34.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký tài sản Nhà nước đối với tài sản từ 500 triệu đồng trở lên

Lý do:

Do nhập với “Thủ tục Đăng ký tài sản nhà nước đối với tài sản là nhà làm việc, phương tiện đi lại và tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản” vì giống nhau về tiêu chí.

34.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước.

35. Thủ tục Điều chuyển tài sản khác (từ 500 triệu đồng trở lên) - mã số hồ sơ: 062093

35.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Điều chuyển tài sản khác (từ 500 triệu đồng trở lên)

Lý do:

Do nhập với “Thủ tục Điều chuyển tài sản nhà nước là nhà làm việc xe ô tô phục vụ công tác và tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản” vì giống nhau về tiêu chí.

35.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước.

36. Thủ tục Lập phương án xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc đối với tài sản là nhà đất và phương tiện giao thông vận tải - mã số hồ sơ: 064583

36.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Lập phương án xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc đối với tài sản là nhà đất và phương tiện giao thông vận tải.

Lý do:

Do nhập với “Thủ tục Lập phương án xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc” vì giống nhau về tiêu chí

36.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư số 116/2005/TT-BTC ngày 19/12/2005 của Bộ Tài

chính hướng dẫn việc quản lý và xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước khi dự án kết thúc.

37. Thủ tục Cấp phát kinh phí trợ giá đàn giống gốc - mã số hồ sơ: 062338

37.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Cấp phát kinh phí trợ giá đàn giống gốc

Lý do:

Do nhập với “Thủ tục cấp phát bù lỗ thủy lợi phí, trợ giá cước vận chuyển văn hóa phẩm xuất khẩu, trợ giá đàn giống gốc” vì cùng tính chất cấp phát.

37.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị điều chỉnh Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BTC-BNN & PTNT ngày 13/12/2007 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi.

38. Thủ tục Thẩm định phê duyệt tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành - mã số hồ sơ: 062367

38.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm định phê duyệt tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành.

Lý do:

Đây là công tác quản lý tài chính doanh nghiệp thực hiện thường xuyên; được xử lý trong quá trình kiểm tra báo cáo tài chính doanh nghiệp, theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, không phải là thủ tục hành chính.

38.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

39. Thủ tục Thẩm định, trình phê duyệt, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty Nhà nước - mã số hồ sơ: 062402

39.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm định, trình phê duyệt, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty nhà nước.

Lý do:

Đây là công tác quản lý tài chính doanh nghiệp thực hiện thường xuyên; được xử lý trong quá trình kiểm tra báo cáo tài chính doanh nghiệp, theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, không phải là thủ tục hành chính.

39.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

40. Thủ tục Hướng dẫn kế toán cho doanh nghiệp nhà nước - mã số hồ sơ: 062425

40.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Hướng dẫn kế toán cho doanh nghiệp nhà nước

Lý do:

Chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành và hướng dẫn nội dung hạch toán kế toán cụ thể cho từng nghiệp vụ. Trường hợp cá biệt khi doanh nghiệp chưa rõ, có công văn đề nghị cơ quan tài chính hướng dẫn, Chi Cục TCDN sẽ xem xét và có công văn phúc đáp phù hợp với từng nội dung vướng mắc của doanh nghiệp. Cá biệt có nội dung chưa có trong quy định, Chi Cục tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính để được Bộ Tài chính hướng dẫn. Do đó, hướng dẫn chế độ kế toán không phải là thủ tục hành chính.

40.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

41. Thủ tục Thẩm định giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo hai cơ chế giá - mã số hồ sơ: 064395

41.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thẩm định giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo hai cơ chế giá.

Lý do:

Vì thủ tục này đều là nghiệp vụ thẩm định giá theo giá thị trường và được thực hiện theo quy định của Quyết định số 281/2003/QĐ-UB ngày 01/12/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố nên thủ tục này cần được bãi bỏ vì đã được nhập vào thủ tục “Thẩm định giá nhà, đất theo giá thị trường”.

41.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Quyết định số 281/2003/QĐ-UB ngày 01/12/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành bản “Quy định về quy trình và phương pháp thẩm định giá bán bất động sản thuộc sở hữu nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh”

42. Thủ tục Xác định giá trị quyền sử dụng đất - mã số hồ sơ: 064471

42.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Xác định giá trị quyền sử dụng đất.

Lý do:

Vì thủ tục này đều là nghiệp vụ thẩm định giá theo giá thị trường và được thực hiện theo quy định của Quyết định số 281/2003/QĐ-UB ngày 01/12/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố nên thủ tục này cần được bãi bỏ vì đã được nhập vào thủ tục “Thẩm định giá nhà, đất theo giá thị trường”.

42.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Quyết định số 281/2003/QĐ-UB ngày 01/12/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành bản “Quy định về quy trình và phương pháp thẩm định giá bán bất động sản thuộc sở hữu nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh”.

43. Thủ tục Phê duyệt hồ sơ và thủ tục hiệp thương giá - mã số hồ sơ: 064438

43.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Phê duyệt hồ sơ và thủ tục hiệp thương giá.

Lý do:

Căn cứ Điều 11 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ thì hiện nay hầu như nghiệp vụ hiệp thương giá không phát sinh trên địa bàn Tp.HCM.

43.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Theo Điều 11 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ thì hiện nay nghiệp vụ hiệp thương giá không phát sinh trên địa bàn Tp.HCM, do đó kiến nghị bãi bỏ thủ tục này.

44. Thủ tục Hồ sơ kê khai giá cước vận tải bằng ô tô - mã số hồ sơ: 062353

44.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Hồ sơ kê khai giá cước vận tải bằng ô tô

Lý do:

Thủ tục này có cùng nội dung kê khai giá được quy định tại Thông tư liên tịch số 86/2007/TTLT-BTC-BGTVT ngày 18/7/2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính.

Do đó thủ tục này cần được bãi bỏ vì được nhập vào thủ tục “Kê khai giá (hàng hóa và dịch vụ)” (064685).

44.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 86/2007/TTLT-BTC-BGTVT ngày 18/7/2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính.

45. Thủ tục Cấp trợ giá cước vận chuyển ấn phẩm văn hóa xuất khẩu - mã số hồ sơ: 062323

45.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Cấp trợ giá cước vận chuyển ấn phẩm văn hóa xuất khẩu

Lý do:

Do nhập với “Thủ tục cấp phát bù lỗ thủy lợi phí, trợ giá cước vận chuyển văn hóa phẩm xuất khẩu, trợ giá đàn giống gốc” vì cùng tính chất cấp phát.

45.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị điều chỉnh Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND ngày 31/01/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố năm 2008.

46. Thủ tục Kiểm tra kế hoạch, chương trình thực hiện tiết kiệm chống lãng phí - mã số hồ sơ: 063208

46.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Kiểm tra kế hoạch, chương trình thực hiện tiết kiệm chống lãng phí

Lý do:

Theo Quyết định số 166/2006/QĐ-UBND ngày 14/11/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2006 - 2010 thì chương trình gồm có 07 chương trình nhánh cụ thể là:

- Chương trình 1: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc và quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

- Chương trình 2: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, tiền và tài sản nhà nước.

- Chương trình 3: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng nhà công vụ.

- Chương trình 4: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng các công trình phúc lợi công cộng

- Chương trình 5: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên

- Chương trình 6: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

- Chương trình 7: Chống lãng phí và thực hành tiết kiệm trong tiêu dùng của nhân dân

Trong đó Sở Tài chính chỉ trực tiếp triển khai một chương trình là Chương trình 1: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc và quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và là cơ quan tổng hợp Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo nội dung chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt của Ủy ban nhân dân thành phố. Đây là công tác các sở, ngành thực hiện theo định kỳ theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố, không phải là thủ tục hành chính.

46.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

XXIV. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Thủ tục Cấp phép xe lưu thông vào giờ hạn chế lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh - mã số hồ sơ: 056147

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ Giấy ủy quyền (trong trường hợp chủ phương tiện không trực tiếp đến nộp hồ sơ).

Lý do:

Thực tế khi cấp phép xe lưu thông vào giờ hạn chế lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh chỉ cần có giấy giới thiệu là đầy đủ, do đó không cần thiết phải làm giấy ủy quyền.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi điểm b, khoản 1, Điều 9 Chương III Quyết định số 121/2007/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về hạn chế và cấp phép cho xe ô tô vận tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thủ tục Cấp Giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch (Đối với xe mô tô A1, A2, A3, A4) - mã số hồ sơ: 051749

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”.

Lý do:

Chỉ cần thông tin về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú để ghi trong giấy phép lái xe là đủ. Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ

trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

3. Thủ tục Cấp Giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch (Đối với xe ô tô) - mã số hồ sơ: 051782

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”.

Lý do:

Chỉ cần thông tin về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú để ghi trong giấy phép lái xe là đủ. Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

4. Thủ tục Đổi Giấy phép lái xe của nước ngoài cấp cho người Việt Nam - mã số hồ sơ: 051815

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “nguyên quán, đơn vị công tác” và phần xác nhận trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

Lý do:

- Mục “nguyên quán, đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

- Cơ quan quản lý nhà nước không lưu trữ thông tin và hồ sơ về việc xác nhận này, đồng thời việc xác nhận này gây lãng phí thời gian, công sức lao động của các cơ quan xác nhận và người dân. Do đó, đề nghị bỏ phần xác nhận trong mẫu đơn này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và đơn giản thủ tục hành chính.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 29 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

5. Thủ tục Đổi Giấy phép lái xe của nước ngoài cấp cho người nước ngoài cư trú, học tập, công tác dài hạn tại Việt Nam - mã số hồ sơ: 051831

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ “Bản sao giấy phép lái xe nước ngoài” trong thành phần hồ sơ.

Lý do:

Vì trong hồ sơ đã có bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài có đóng dấu giáp lai với bản sao (photocopy) nên không cần thiết phải nộp Bản sao giấy phép lái xe nước ngoài nữa và chỉ cần xuất trình bản chính để đối chiếu.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 45 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

6. Thủ tục Đổi Giấy phép lái xe của ngành giao thông vận tải cấp - mã số hồ sơ: 051843

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “nguyên quán, đơn vị công tác” và phần xác nhận trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

Lý do:

- Mục “nguyên quán, đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

- Cơ quan quản lý nhà nước không lưu trữ thông tin và hồ sơ về việc xác nhận

này, đồng thời việc xác nhận này gây lãng phí thời gian, công sức lao động của các cơ quan xác nhận và người dân. Do đó, đề nghị bỏ phần xác nhận trong mẫu đơn này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và đơn giản thủ tục hành chính.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 29 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

7. Thủ tục Đổi Giấy phép lái xe do ngành công an cấp sau ngày 31 tháng 7 năm 1995 - mã số hồ sơ: 051878

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “nguyên quán, đơn vị công tác” và phần xác nhận trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

Lý do:

- Mục “nguyên quán, đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

- Cơ quan quản lý nhà nước không lưu trữ thông tin và hồ sơ về việc xác nhận này, đồng thời việc xác nhận này gây lãng phí thời gian, công sức lao động của các cơ quan xác nhận và người dân. Do đó, đề nghị bỏ phần xác nhận trong mẫu đơn này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và đơn giản thủ tục hành chính.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 29 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

8. Thủ tục Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp - mã số hồ sơ: 051893

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “nguyên quán, đơn vị công tác” và phần xác nhận trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

Lý do:

- Mục “nguyên quán, đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

- Cơ quan quản lý nhà nước không lưu trữ thông tin và hồ sơ về việc xác nhận này, đồng thời việc xác nhận này gây lãng phí thời gian, công sức lao động của các cơ quan xác nhận và người dân. Do đó, đề nghị bỏ phần xác nhận trong mẫu đơn này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và đơn giản thủ tục hành chính.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 29 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

9. Thủ tục Đổi Giấy phép lái xe cho du khách du lịch lái xe vào Việt Nam - mã số hồ sơ: 051914

9.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Bỏ “Bản sao giấy phép lái xe nước ngoài” trong thành phần hồ sơ.

Lý do:

Vì trong hồ sơ đã có bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài có đóng dấu giáp lai với bản sao (photocopy) nên không cần thiết phải nộp Bản sao giấy phép lái xe nước ngoài nữa và chỉ cần xuất trình bản chính để đối chiếu.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 45 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

10. Thủ tục Di chuyển Giấy phép lái xe từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác về Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh - mã số hồ sơ: 051947

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “nguyên quán”, “đơn vị công tác” và phân xác nhận trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

Lý do:

- Mục “nguyên quán”, “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

- Cơ quan quản lý nhà nước không lưu trữ thông tin và hồ sơ về việc xác nhận này, đồng thời việc xác nhận này gây lãng phí thời gian, công sức lao động của các cơ quan xác nhận và người dân. Do đó, đề nghị bỏ phân xác nhận trong mẫu đơn này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và đơn giản thủ tục hành chính.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 29 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

11. Thủ tục Di chuyển Giấy phép lái xe do Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp đến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác - mã số hồ sơ: 051981

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bổ sung thời hạn giải quyết hồ sơ là 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Theo quy định tại Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, thì không có quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất trong các cơ quan quản lý nhà nước khi thực hiện thủ tục hành chính,

đề nghị quy định thời hạn giải quyết hồ sơ là 05 ngày vì thực tế thời gian này đủ để giải quyết thủ tục này cho người dân.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết vào Điều 41 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

12. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe ô tô đã bị xử lý do vi phạm Luật Giao thông đường bộ (Trường hợp Giấy phép lái xe bị bấm lỗ trước ngày Nghị định 146/2007/NĐ-CP của Chính phủ ban hành 14/9/2007 có hiệu lực) - mã số hồ sơ: 054799

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”

Lý do:

Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

13. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe mô tô đã bị xử lý do vi phạm Luật Giao thông đường bộ (Trường hợp GPLX bị thu hồi hoặc tước quyền sử dụng không thời hạn kể từ ngày 02/10/2007) - mã số hồ sơ: 054802

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu đơn “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

14. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe ô tô đã bị xử lý do vi phạm Luật Giao thông đường bộ (Trường hợp GPLX bị thu hồi hoặc tước quyền sử dụng không thời hạn kể từ ngày 02/10/2007) - mã số hồ sơ: 054805

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu đơn “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

15. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe bị hỏng (đối với các trường hợp không bị đánh dấu do vi phạm Luật giao thông đường bộ) - mã số hồ sơ: 054807

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “đơn vị công tác” và phần xác nhận trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe” và phần “Xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc chính quyền địa phương” trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

Lý do:

- Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

- Cơ quan quản lý nhà nước không lưu trữ thông tin và hồ sơ về việc xác nhận này, đồng thời việc xác nhận này gây lãng phí thời gian, công sức lao động của các cơ quan xác nhận và người dân. Do đó, đề nghị bỏ phần xác nhận trong mẫu đơn này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và đơn giản thủ tục hành chính.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 29 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

16. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe mô tô bị hỏng (đối với các trường hợp bị đánh dấu vi phạm Luật Giao thông đường bộ) - mã số hồ sơ: 054810

16.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu đơn “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

17. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe ô tô bị hỏng (đối với các trường hợp bị đánh dấu vi phạm Luật Giao thông đường bộ) - mã số hồ sơ: 054814

17.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu đơn “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

18. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe mô tô bị mất - mã số hồ sơ: 054817

18.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ “Bỏ đơn trình báo mất giấy phép lái xe có xác nhận của cơ quan Công an cấp xã” trong thành phần hồ sơ.

Lý do:

Theo quy định tại Điều 43 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, thì trong trường hợp giấy phép lái xe bị mất do bị cướp, chấn lệt, mất trộm phải có xác nhận của cơ quan Công an cấp xã. Tuy nhiên, cơ quan Công an chỉ xác nhận đương sự có đến báo mất giấy phép lái xe mà không chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với việc mất giấy phép lái xe của đương sự. Do đó, không cần thiết phải có giấy xác nhận này trong thành phần hồ sơ.

b) Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

c) Bỏ thông tin “nguyên quán”, “đơn vị công tác” và phân xác nhận trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “nguyên quán”, “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có

trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”. Vì cơ quan quản lý nhà nước không lưu trữ thông tin và hồ sơ về việc xác nhận này, đồng thời việc xác nhận này gây lãng phí thời gian, công sức lao động của các cơ quan xác nhận và người dân. Do đó, đề nghị bỏ phần xác nhận trong mẫu đơn này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và đơn giản thủ tục hành chính.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 43 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Sửa đổi Phụ lục 29 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

19. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe ô tô bị mất - mã số hồ sơ: 054827

19.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ “Đơn trình báo mất giấy phép lái xe có xác nhận của cơ quan Công an cấp xã” trong thành phần hồ sơ.

Lý do:

Theo quy định tại Điều 43 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, thì trong trường hợp giấy phép lái xe bị mất do bị cướp, chấn lộn, mất trộm phải có xác nhận của cơ quan Công an cấp xã. Tuy nhiên, cơ quan Công an chỉ xác nhận đương sự có đến báo mất giấy phép lái xe mà không chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với việc mất giấy phép lái xe của đương sự. Do đó, không cần thiết phải có giấy xác nhận này trong thành phần hồ sơ.

b) Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

c) Bỏ thông tin “nguyên quán”, “đơn vị công tác” và phần xác nhận trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “nguyên quán”, “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”. Vì cơ quan quản lý nhà nước không lưu trữ thông tin và hồ sơ về việc xác nhận này, đồng thời việc xác nhận này gây lãng phí thời gian, công sức lao động của các cơ quan xác nhận và người dân. Do đó, đề nghị bỏ phần xác nhận trong mẫu đơn này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và đơn giản thủ tục hành chính.

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 43 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Sửa đổi Phụ lục 29 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

20. Thủ tục Đổi Giấy phép lái xe ô tô hết hạn sử dụng - mã số hồ sơ: 054843

20.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

b) Bỏ thông tin “nguyên quán”, “đơn vị công tác” và phần xác nhận trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “nguyên quán”, “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”. Vì cơ quan quản lý nhà nước không lưu trữ thông tin và hồ sơ về việc xác nhận này, đồng thời việc xác nhận này gây lãng phí thời gian, công sức lao động của các cơ quan xác nhận và người dân. Do đó, đề nghị bỏ phần xác nhận trong mẫu đơn này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và đơn giản thủ tục hành chính.

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Sửa đổi Phụ lục 29 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

21. Thủ tục cấp lại giấy phép lái xe chưa hết hạn sử dụng nhưng mất hồ sơ gốc - mã số: 055681

21.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “nguyên quán”, “đơn vị công tác” và phần xác nhận trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

Lý do:

- Mục “nguyên quán”, “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn “Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe”.

- Cơ quan quản lý nhà nước không lưu trữ thông tin và hồ sơ về việc xác nhận này, đồng thời việc xác nhận này gây lãng phí thời gian, công sức lao động của các cơ quan xác nhận và người dân. Do đó, đề nghị bỏ phần xác nhận trong mẫu đơn này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và đơn giản thủ tục hành chính.

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 29 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

22. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe đã hết hạn sử dụng nhưng mất hồ sơ gốc - mã số hồ sơ: 055693

22.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu đơn “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

23. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe ô tô bị mất (đối với trường hợp Giấy phép lái xe hết hạn sử dụng và mất hồ sơ gốc) - mã số hồ sơ: 055688

23.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu đơn “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

24. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe mô tô (đối với trường hợp mất Giấy phép lái xe và mất hồ sơ lái xe) - mã số hồ sơ: 055694

24.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu đơn “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

24.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

25. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe ô tô bị mất (đối với trường hợp Giấy phép lái xe còn hạn sử dụng và mất hồ sơ gốc) - mã số hồ sơ: 055695

25.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thông tin “đơn vị công tác” trong mẫu đơn “Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe”.

Lý do:

Mục “đơn vị công tác” là thông tin không cần thiết phải có trong mẫu đơn.

25.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi Phụ lục 13 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

26. Thủ tục Cấp giấy phép đào tạo lái xe A1 - mã số hồ sơ: 055709

26.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục là: “Cấp giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4”.

Lý do:

Nhập thủ tục này vào các thủ tục: “Cấp giấy phép đào tạo lái xe A2”, “Cấp giấy phép đào tạo lái xe A3”, “Cấp giấy phép đào tạo lái xe A4” thành một thủ tục chung, vì 4 thủ tục này giống nhau về trình tự, thủ tục thực hiện, thời hạn, kết quả giải quyết... và đổi tên thành thủ tục “Cấp giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4”.

26.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Áp dụng khoản 3 Điều 14 Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Sửa đổi tên thủ tục số 29 Mục I Phần II trong Bộ thủ tục hành chính đã công bố theo Quyết định số 4192/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND TP.HCM.

27. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô cứu thương - mã số hồ sơ: 051794

27.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn đề đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao

thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

27.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

28. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường loại ô tô khách từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe) - mã số hồ sơ: 051796

28.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn để đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy

định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

29. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường loại ô tô khách từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe) - mã số hồ sơ: 051800

29.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn đề đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10

Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

29.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

30. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy kéo bông sen, công nông và các loại phương tiện vận chuyển tương tự - mã số hồ sơ: 051802

30.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn để đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

30.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

31. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới loại ô tô tải trên 2 tấn đến 7 tấn - mã số hồ sơ: 051806

31.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn để đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

31.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

32. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới loại ô tô tải, đoàn ô tô (ô tô đầu kéo + somi rơ moóc), có tải trọng trên 20 tấn và các loại ô tô chuyên dùng, máy kéo - mã số hồ sơ: 051988

32.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009

của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn để đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

32.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

33. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường loại ô tô khách trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt - mã số hồ sơ: 052007

33.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn để đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

33.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

34. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường loại ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương) - mã số hồ sơ: 052013

34.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn để đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

34.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

35. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe lam, xích lô máy loại 3 bánh - mã số hồ sơ: 052024

35.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn đề đơn giảm hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

35.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

36. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới loại ô tô tải đến 2 tấn - mã số hồ sơ: 052032

36.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn để đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

36.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của

Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

37. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới loại ô tô tải, đoàn ô tô (ô tô đầu kéo + sơ mi rơ moóc), có tải trọng trên 7 tấn đến 20 tấn và các loại ô tô chuyên dùng, máy kéo - mã số hồ sơ: 052039

37.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn để đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

37.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của

Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

38. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe rơ moóc, sơ mi rơ moóc - mã số hồ sơ: 052043

38.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn đề đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

38.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

39. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo thay đổi kết cấu tổng thành - mã số hồ sơ: 052049

39.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn đề đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

39.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

40. Thủ tục Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo do thay đổi tính chất sử dụng - mã số hồ sơ: 052092

40.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ mẫu “Đơn đề nghị”.

Lý do:

Theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không quy định có mẫu đơn này. Do đó, đề nghị bỏ mẫu đơn để đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Bỏ mẫu “Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định”.

Lý do:

Khi yêu cầu cấp lại Sổ kiểm định bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đã có đơn báo mất có xác nhận của cơ quan Công an (thay thế Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định). Do đó, không nhất thiết phải làm Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định nữa.

Khi Sổ kiểm định hết trang ghi thì được cấp lại mà không cần phải có Đơn xin cấp lại Sổ chứng nhận kiểm định (theo khoản 2, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

Trường hợp Sổ kiểm định bị rách, mất trang, sửa chữa thì đã có Bản giải trình lý do của chủ phương tiện để được cấp lại Sổ kiểm định (theo khoản 3, Điều 10 Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009).

40.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 24 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- Bỏ mẫu đơn tại Phụ lục 25 - Quyết định số 065/QĐ-ĐK ngày 14/3/2006 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Hướng dẫn công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

41. Thủ tục cấp giấy phép liên vận Việt - Lào đối với phương tiện vận tải phi thương mại là xe cá nhân (đi việc riêng) - mã số hồ sơ: 052105

41.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Kéo dài thời hạn có hiệu lực của Giấy phép là 01 năm.

Lý do:

Theo quy định tại Thông tư số 17/2005/TT-BGTVT ngày 22/12/2005 của Bộ Giao thông vận tải, việc cấp giấy phép có thời gian 01 tháng cho loại xe cá nhân đi việc riêng, quy định này chỉ thích hợp cho các trường hợp cá nhân đi tham quan du lịch. Đối với các trường hợp cá nhân xin cấp giấy phép với thời gian dài do làm việc theo hợp đồng lao động hoặc thành lập công ty tại Lào, sử dụng xe của cá nhân thực hiện công việc của cơ quan, đơn vị,... thì những cá nhân thuộc diện này kiến nghị được cấp giấy phép với thời gian là 01 năm như các đối tượng khác.

b) - Bổ sung thông tin vào mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt - Lào:

“Nơi đến trên lãnh thổ của nước CHDCND Lào:

Cửa khẩu xuất:....

Cửa khẩu nhập:....

Tuyến đường:.....”.

- Bỏ mẫu Tờ khai đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt - Lào.

Lý do:

- Nhập thông tin trong mẫu “Tờ khai đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt - Lào” vào mẫu “Đơn đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt - Lào” vì hai mẫu này có một số

nội dung trùng lặp nhau. Do đó đề nghị bãi bỏ mẫu Tờ khai, đồng thời bổ sung đầy đủ thông tin vào mẫu Đơn đề nghị.

- Do thông tin trong mẫu “Tờ khai đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt - Lào” trùng lặp với nội dung thông tin trong mẫu “Đơn đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt - Lào”, do đó đề nghị bãi bỏ Tờ khai đề nghị để đơn giản hóa thủ tục.

41.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm b, khoản 1.2, Mục 1, Phần III Thông tư số 17/TT-BGTVT ngày 22/12/2005 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành Nghị định thư 2001 ngày 18/7/2001 giữa Bộ GTVT Việt Nam và Bộ GTVT-BĐ và XD Lào thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Bổ sung thông tin vào Mẫu số 01 - Phần phụ lục của Thông tư số 17/TT-BGTVT ngày 22/12/2005 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành Nghị định thư 2001 ngày 18/7/2001 giữa Bộ GTVT Việt Nam và Bộ GTVT-BĐ và XD Lào thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Bỏ Mẫu số 02 Phần phụ lục của Thông tư số 17/TT-BGTVT ngày 22/12/2005 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành Nghị định thư 2001 ngày 18/7/2001 giữa Bộ GTVT Việt Nam và Bộ GTVT-BĐ và XD Lào thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

(Xem tiếp Công báo số 43 + 44)

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng